

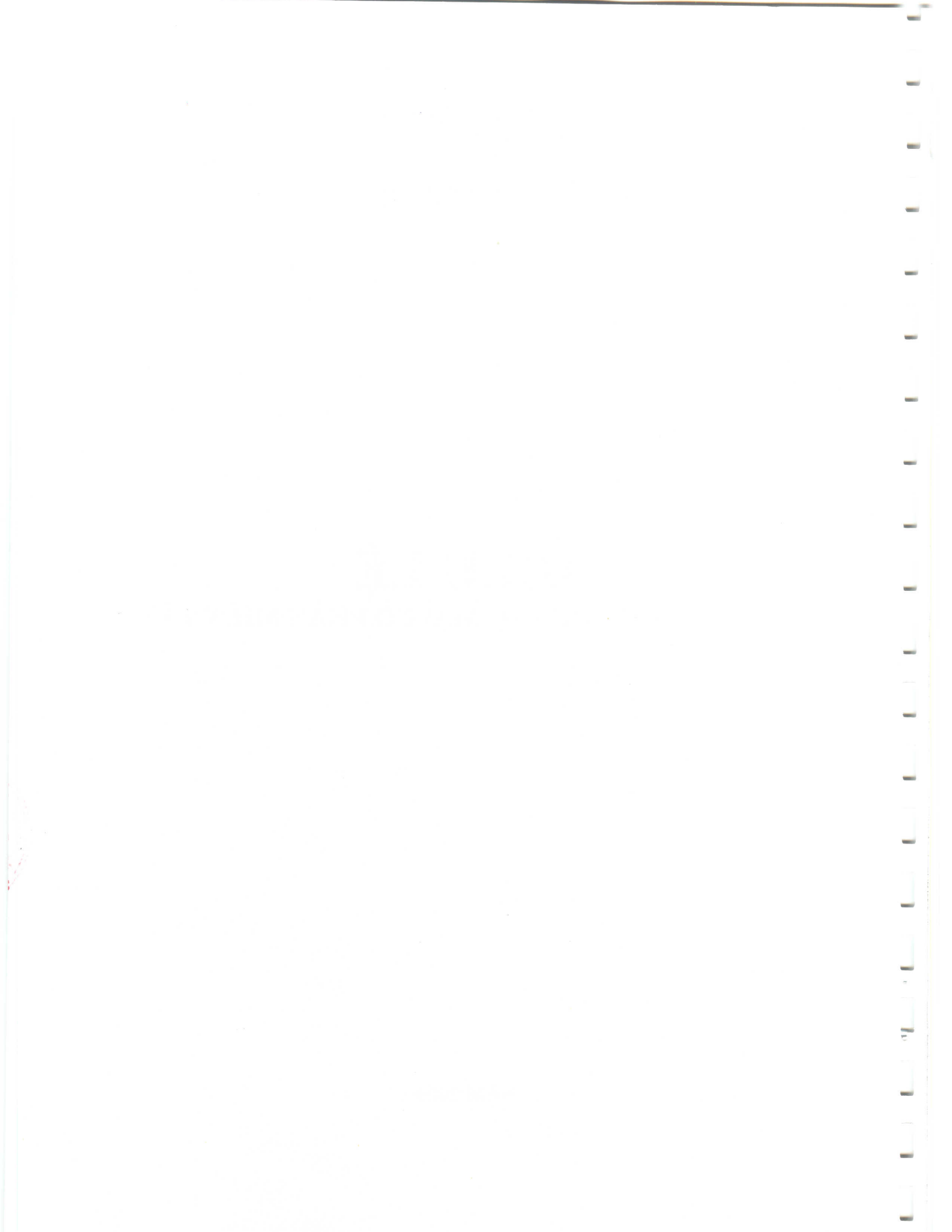
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN MIỀN TÂY
Địa chỉ: 127- Lý Tự Trọng, P. An Phú, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3732424; Fax: 0710.3731768
Email: welcome@westernbank.vn
Website: www.westernbank.vn

ĐIỀU LỆ

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN MIỀN TÂY

NĂM 2009

SỐ 172887



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	
MỤC I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Định nghĩa	4
MỤC II. TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG	
.....	6
Điều 2. Tên, địa chỉ và thời gian hoạt động của Ngân hàng.....	6
MỤC III. MỤC TIÊU CỦA NGÂN HÀNG, NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG	7
Điều 3. Mục tiêu của Ngân hàng Miền Tây.....	7
Điều 4. Huy động vốn	7
Điều 5. Hoạt động tín dụng.....	7
Điều 6. Các hình thức vay	7
Điều 7. Xét duyệt cho vay, kiểm tra và xử lý	8
Điều 8. Bảo lãnh	8
Điều 9. Chiết khấu, tái chiết khấu, cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác	8
Điều 10. Công ty cho thuê tài chính	8
Điều 11. Tài khoản tiền gửi của Ngân hàng	9
Điều 12. Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	9
Điều 13. Các hoạt động khác.....	9
Điều 14. Bất động sản	10
Điều 15. Tỷ lệ an toàn.....	10
MỤC IV. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG	10
Điều 16. Vốn Điều lệ	10
Điều 17. Thay đổi vốn điều lệ	10
Điều 18. Vốn hoạt động của Ngân hàng gồm các nguồn sau:.....	11
MỤC V. CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	12
Điều 19. Cổ phần, cổ đông.....	12
Điều 20. Giới hạn sở hữu cổ phần	13
Điều 21. Cổ phiếu	13
Điều 22. Chuyển nhượng cổ phần, thu hồi cổ phần.....	14
MỤC VI. CÁC CƠ QUAN VÀ CƠ CHẾ THAM GIA QUYẾT ĐỊNH	15
Điều 23. Các cơ quan.....	15
MỤC VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	15
Điều 24. Sổ đăng ký cổ đông.....	15
Điều 25. Quyền hạn của cổ đông.....	16
Điều 26. Nghĩa vụ của cổ đông.....	17

Điều 27. Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	17
Điều 28. Đại hội đồng cổ đông bất thường.....	18
Điều 29. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 30. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 31. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 32. Triệu tập Đại hội cổ đông, Chương trình họp và thông báo.....	21
Điều 33. Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông và Biên bản.....	22
Điều 34. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	25
Điều 35. Huỷ bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	27
MỤC VIII. ĐIỀU KHOẢN CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC.....	27
Điều 36. Nhiệm vụ chung.....	27
Điều 37. Những người không được tham gia quản trị, kiểm soát và không được giữ chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc.....	27
Điều 38. Đương nhiên mất tư cách.....	28
Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm.....	29
Điều 40. Kiểm soát đặc biệt.....	29
MỤC IX. CÁC NGHĨA VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH.....	30
Điều 41. Nghĩa vụ thận trọng của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và thành viên Ban điều hành.....	30
Điều 42. Nghĩa vụ trung thành và tránh xung đột quyền lợi.....	30
Điều 43. Trách nhiệm và bồi thường.....	31
MỤC X. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	31
Điều 44. Thành phần và nhiệm kỳ.....	31
Điều 45. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị.....	32
Điều 46. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị	34
Điều 47. Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị.....	35
Điều 48. Thay thế thành viên Hội đồng Quản trị.....	35
Điều 49. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị.....	36
Điều 50. Bộ máy giúp việc của Hội đồng Quản trị.....	39
Điều 51. Thư ký.....	39
MỤC XI. TỔNG GIÁM ĐỐC.....	39
Điều 52. Tổng Giám đốc.....	39
Điều 53. Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc.....	40
Điều 54. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	41
MỤC XII. BAN KIỂM SOÁT.....	42
Điều 55. Thành phần và nhiệm kỳ.....	42
Điều 56. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.....	42

Điều 57. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát	43
Điều 58. Thay thế thành viên Ban kiểm soát.....	44
Điều 59. Các cuộc họp của Ban kiểm soát	45
MỤC XIII. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA NGÂN HÀNG	48
Điều 60. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng.....	48
Điều 61. Cơ cấu tổ chức của trụ sở chính.....	48
Điều 62. Bộ máy giúp việc Tổng Giám đốc	48
MỤC XIV. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ NGÂN HÀNG	48
Điều 63. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	48
PHẦN XV. NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN	49
Điều 64. Người lao động và Công đoàn	49
MỤC XVI. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	49
Điều 65. Cổ tức	49
MỤC XVII. HỆ THỐNG KIỂM TOÁN VÀ KIỂM TRA NỘI BỘ, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN	50
Điều 66. Hệ thống kiểm toán và kiểm tra nội bộ	50
Điều 67. Nhân viên kiểm tra nội bộ.....	51
Điều 68. Trách nhiệm của hệ thống kiểm tra nội bộ.....	51
Điều 69. Quyền hạn và nhiệm vụ của hệ thống kiểm tra nội bộ.....	51
Điều 70. Chế độ tài chính.....	52
Điều 71. Sử dụng vốn	52
Điều 72. Các quỹ dự trữ.....	52
Điều 73. Tự chủ về tài chính của Ngân hàng	52
Điều 74. Kế toán và thuế.....	52
MỤC XVIII. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	53
Điều 75. Báo cáo tài chính	53
Điều 76. Công bố và thông báo	53
MỤC XIX. KIỂM TOÁN NGÂN HÀNG	54
Điều 77. Kiểm toán	54
MỤC XX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	54
Điều 78. Báo cáo và kiểm soát đặc biệt	54
Điều 79. Phá sản Ngân hàng	55
Điều 80. Giải thể Ngân hàng.....	55
Điều 81. Thanh lý Ngân hàng.....	55
MỤC XXI. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	55
Điều 82. Giải quyết tranh chấp nội bộ	55
MỤC XXII. THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT	56
Điều 83. Thông tin định kỳ.....	56
Điều 84. Nghĩa vụ bảo mật	56
MỤC XXIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	57
Điều 85. Bổ sung, sửa đổi Điều lệ và ngày hiệu lực.....	57

ĐIỀU LỆ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN MIỀN TÂY

PHẦN MỞ ĐẦU

Ngân hàng Thương mại cổ phần Miền Tây là Ngân hàng thương mại cổ phần của Nhà nước và nhân dân (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) được thực hiện hoạt động Ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan theo quy định của pháp luật vì mục tiêu lợi nhuận, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế của Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng được thực hiện theo Điều lệ này, các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Điều lệ này do Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng quyết định thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức ngày 20 tháng 08 năm 2002

MỤC I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

- I. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ sau đây có nghĩa như sau:
 - a. **“Địa bàn kinh doanh”**: Địa bàn hoạt động của Ngân hàng trong phạm vi cả nước Việt Nam; mở rộng ra nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép.
 - b. **“Vốn điều lệ”** là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ này.
 - c. **“Cổ tức”** là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận của Ngân hàng để trả cho mỗi cổ phần.
 - d. **“Luật Doanh nghiệp”** là luật doanh nghiệp được Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
 - e. **“Ngày thành lập”** là ngày mà Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ký quyết định cấp giấy phép thành lập và hoạt động.
 - f. **“Cổ đông sáng lập”** là người tham gia vào việc thông qua Điều lệ đầu tiên của Ngân hàng.
 - g. **“Pháp luật”** là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động Ngân hàng.
 - h. **“Luật các tổ chức tín dụng”** là Luật các tổ chức tín dụng được Quốc hội Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12 tháng 12 năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 15 tháng 6 năm 2004.

- i. **“Vốn pháp định”** là vốn tối thiểu theo yêu cầu của pháp luật để thành lập Ngân hàng.
 - j. **“Cổ đông lớn”** là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu trên 10% vốn điều lệ hoặc nắm giữ trên 10% vốn cổ phần có quyền bỏ phiếu của Ngân hàng.
 - k. **“Ban điều hành”** có nghĩa là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Ngân hàng được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm làm Ban điều hành của Ngân hàng.
 - l. **“Mức cổ phần trọng yếu”**: là mức cổ phần chiếm từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng.
 - m. **“Người quản lý Ngân hàng”**: Bao gồm Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Ngân hàng được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm làm ban điều hành của Ngân hàng.
 - n. **“Người có liên quan”**: Là tổ chức hoặc cá nhân được qui định tại khoản 9 Điều 5 Nghị định số 59/2009/NĐ-CP, ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính Phủ.
 - o. **“NHNN”** có nghĩa là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - p. **“Cổ phần”** là vốn điều lệ được chia thành các phần bằng nhau.
 - q. **“Cổ phiếu”** là chứng chỉ do Ngân hàng phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng. Cổ phiếu của Ngân hàng có thể là cổ phiếu ghi tên hay cổ phiếu không ghi tên theo quy định của Điều lệ Ngân hàng.
 - r. **“Cổ đông”** là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng và đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng với tư cách một người nắm giữ (các) cổ phần.
 - s. **“Sổ đăng ký cổ đông”** là một tài liệu bằng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của NHNN.
 - t. **“Thời hạn hoạt động”** có nghĩa là thời gian Ngân hàng được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể từ ngày được NHNN cấp giấy phép thành lập và hoạt động. Ngân hàng có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được NHNN chấp thuận.
 - u. **“Việt Nam”** có nghĩa là Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế của chúng.
3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới cấu trúc của Điều lệ này.

MỤC II. TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Điều 2. Tên, địa chỉ và thời gian hoạt động của Ngân hàng

Ngân hàng Thương mại cổ phần Miền Tây, dưới đây được gọi là Ngân hàng, được phép hoạt động theo giấy phép thành lập và hoạt động số 0016/NH-GP, ngày 6 tháng 4 năm 1992 do Thống đốc Ngân hàng cấp và có:

1. Tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam
2. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: **Ngân hàng Thương mại cổ phần Miền Tây**
Tên viết tắt bằng tiếng Việt: **Ngân hàng Miền Tây**
Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: **Western Commercial Joint Stock Bank**
Tên viết tắt bằng tiếng Anh: **Western Bank**
3. a. Trụ sở chính đặt tại: **127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.**
Điện thoại: 0710. 373 1768 Fax: 0710. 373 2424
Email: welcome@westernbank.vn
Website: www.westernbank.vn
b. Tên gọi, địa chỉ và một số thông tin về mạng lưới Ngân hàng: các chi nhánh, văn phòng đại diện, công ty trực thuộc theo phụ lục đính kèm.
4. Điều lệ tổ chức và hoạt động, các cơ quan quản lý và điều hành.
 - a. Điều lệ Ngân hàng được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua ngày 20 tháng 8 năm 2002 và phải được Thống Đốc NHNN chuẩn y mới có hiệu lực thi hành.
 - b. Các cơ quan quản lý và điều hành gồm có: Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ này.
5. Vốn điều lệ: **1.000.000.000.000 VND** (Một ngàn tỷ đồng), được phát hành 100.000.000 (Một trăm triệu) cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 (mười ngàn) đồng.
6. Con dấu riêng và tài khoản riêng mở tại NHNN và các Ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của NHNN.
7. Bảng cân đối tài sản và các quỹ theo quy định của pháp luật.
8. Thời hạn hoạt động là 20 năm (Hai mươi năm).

MỤC III.

MỤC TIÊU CỦA NGÂN HÀNG, NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Điều 3. Mục tiêu của Ngân hàng Miền Tây

1. Lĩnh vực kinh doanh của Ngân hàng là kinh doanh tiền tệ, đầu tư vốn phục vụ tất cả các thành phần kinh tế, các ngành nghề và sản phẩm hàng hóa, dịch vụ mà luật pháp không cấm.
2. Mục tiêu của Ngân hàng Miền Tây là:
 - Lợi nhuận.
 - Cung ứng cho khách hàng các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng.
 - Tạo điều kiện cho nhân viên phát triển.
 - Góp phần xây dựng kinh tế đất nước.
3. Các mục tiêu khác phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu này cần được NHNN chấp thuận, thì Ngân hàng chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi đã được NHNN có văn bản chấp thuận.

Điều 4. Huy động vốn

Ngân hàng huy động vốn dưới các hình thức sau:

1. Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân và các tổ chức tín dụng khác dưới các hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn và các loại tiền gửi khác.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và giấy tờ có giá khác để huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước khi được Thống đốc NHNN chấp thuận.
3. Vay vốn của các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại Việt Nam và của tổ chức tín dụng nước ngoài.
4. Vay vốn ngắn hạn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn.
5. Các hình thức huy động vốn khác hoặc theo quy định của NHNN.

Điều 5. Hoạt động tín dụng

Ngân hàng cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân dưới các hình thức cho vay, chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh, cho thuê tài chính và các hình thức khác theo quy định của NHNN.

Điều 6. Các hình thức vay

Ngân hàng cho các tổ chức, cá nhân vay vốn dưới các hình thức sau đây:

1. Cho vay ngắn hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đời sống.

2. Cho vay trung hạn, dài hạn nhằm thực hiện các dự án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đời sống.

Điều 7. Xét duyệt cho vay, kiểm tra và xử lý

1. Ngân hàng được quyền yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh phương án kinh doanh khả thi, khả năng tài chính của mình và của người bảo lãnh trước khi quyết định cho vay; có quyền chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm hợp đồng tín dụng.
2. Ngân hàng có quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay của khách hàng vay, tài sản của người bảo lãnh trong việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh để thu hồi nợ theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng; khởi kiện khách hàng vi phạm hợp đồng tín dụng và người bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định của pháp luật.
3. Ngân hàng được miễn, giảm lãi suất cho vay, phí Ngân hàng; gia hạn nợ, mua bán nợ theo quy định của NHNN.

Điều 8. Bảo lãnh

Ngân hàng bảo lãnh vay, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh dự thầu và các hình thức bảo lãnh Ngân hàng khác cho các tổ chức tín dụng, cá nhân theo quy định của NHNN.

Điều 9. Chiết khấu, tái chiết khấu, cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác

1. Ngân hàng được cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác theo quy định pháp luật hiện hành. Người chủ sở hữu thương phiếu và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác phải chuyển giao ngay mọi quyền, lợi ích hợp pháp phát sinh từ các giấy tờ đó cho Ngân hàng.
2. Ngân hàng được cấp tín dụng dưới hình thức cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác theo quy định pháp luật hiện hành. Ngân hàng được thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp phát sinh trong trường hợp chủ sở hữu các giấy tờ đó không thực hiện đầy đủ những cam kết trong hợp đồng tín dụng.
3. Ngân hàng được tái chiết khấu, cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đối với các tổ chức tín dụng khác theo quy định pháp luật hiện hành.
4. Ngân hàng có thể được NHNN tái chiết khấu và cho vay trên cơ sở cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đã được chiết khấu theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 10. Công ty cho thuê tài chính

Ngân hàng phải thành lập Công ty cho thuê tài chính khi hoạt động cho thuê tài chính.

Điều 11. Tài khoản tiền gửi của Ngân hàng

1. Ngân hàng mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh thành phố Cần Thơ nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính và duy trì tại đó số dư tiền gửi dự trữ bắt buộc theo quy định của NHNN;
2. Chi nhánh của Ngân hàng mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Thành phố Cần Thơ, nơi đặt trụ sở của chi nhánh.
3. Ngân hàng mở tài khoản cho khách hàng trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ

1. Ngân hàng thực hiện các dịch vụ thanh toán và ngân quỹ:
 - a. Cung ứng các phương tiện thanh toán như séc và thẻ ngân hàng và các công cụ thanh toán khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
 - b. Thực hiện các dịch vụ thanh toán trong nước cho khách hàng.
 - c. Thực hiện dịch vụ thu hộ và chi hộ.
 - d. Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của NHNN.
 - e. Thực hiện dịch vụ thu và phát tiền mặt cho khách hàng.
2. Ngân hàng Miền Tây tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên Ngân hàng trong nước. Tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế trong phạm vi cho phép của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 13. Các hoạt động khác

Ngân hàng thực hiện các hoạt động khác sau đây:

1. Dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp và của các tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật.
2. Tham gia thị trường tiền tệ theo quy định của NHNN.
3. Kinh doanh ngoại hối và vàng trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế khi được NHNN cho phép.
4. Được quyền uỷ thác, nhận uỷ thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động Ngân hàng, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân theo hợp đồng uỷ thác và đại lý.
5. Cung ứng dịch vụ bảo hiểm, được thành lập Công ty trực thuộc hoặc liên doanh để kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật.
6. Cung ứng các dịch vụ:
 - a. Tư vấn tài chính và tiền tệ trực tiếp cho khách hàng hoặc qua các Công ty trực thuộc được thành lập theo quy định của pháp luật.

- b. Bảo quản hiện vật quý và các giấy tờ có giá, cho thuê tủ két, nhận cầm cố và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
7. Thành lập các Công ty trực thuộc để thực hiện các hoạt động kinh doanh có liên quan tới hoạt động Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Bất động sản

Ngân hàng không được phép trực tiếp kinh doanh bất động sản.

Điều 15. Tỷ lệ an toàn

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn theo quy định tại mục V, Chương III của Luật các tổ chức tín dụng và theo quy định của NHNN; thực hiện phân loại tài sản “có” và trích lập dự phòng rủi ro để xử lý các rủi ro trong hoạt động Ngân hàng theo quy định của pháp luật hiện hành.

MỤC IV.

VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG

Điều 16. Vốn Điều lệ

1. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).
2. Ngân hàng phải đảm bảo mức vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật.
3. Ngân hàng không được sử dụng vốn điều lệ và các quỹ để mua cổ phần, góp vốn với các cổ đông của chính Ngân hàng.
4. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích:
 - a. Mua, đầu tư vào tài sản cố định của Ngân hàng không quá tỷ lệ quy định của NHNN.
 - b. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của NHNN;
 - c. Thành lập Công ty trực thuộc theo quy định của pháp luật;
 - d. Cho vay;
 - e. Kinh doanh các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Thay đổi vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Ngân hàng có thể được tăng bằng cách phát hành cổ phiếu mới hoặc được bổ sung từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, đánh giá lại tài sản cố định và các quỹ khác theo quy định pháp luật nhưng phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.
2. Xử lý thay đổi vốn điều lệ trong trường hợp Ngân hàng giảm vốn điều lệ.
 - 2.1. Các trường hợp buộc phải giảm vốn điều lệ:

- a. Lỗ trong 03 năm liên tiếp. Ngân hàng phải quyết định giảm vốn điều lệ tương ứng số lỗ lũy kế đến năm thứ 3;
 - b. Các khoản vốn đầu tư đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận hoặc quyết định là tồn thất trong hoạt động sau khi đã xử lý trích lập dự phòng rủi ro;
 - c. Số vốn góp có nguồn gốc không hợp pháp hoặc người góp vốn không đảm bảo tư cách cổ đông theo kết luận của Thanh tra;
 - d. Giảm giá tài sản cố định khi đánh giá lại tài sản theo quy định của pháp luật.
- 2.2. Trong các trường hợp nêu tại Điểm 2.1 Khoản 2 điều này, Ngân hàng phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đưa ra Đại hội đồng cổ đông thường niên để quyết định biện pháp xử lý giảm vốn điều lệ sau khi xử lý bằng các biện pháp tài chính khác (sử dụng quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ để bù đắp; Góp thêm vốn để xử lý,...) mà vẫn không khắc phục được. Việc giảm vốn điều lệ gắn liền với việc giảm mệnh giá hoặc giảm số lượng cổ phần hoặc đồng thời cả hai hình thức này.
- 2.3. Trong trường hợp số vốn điều lệ sau khi giảm thấp hơn mức vốn pháp định và trong thời hạn 06 tháng Ngân hàng không có giải pháp khắc phục, Ngân hàng Nhà nước – Chi nhánh Thành phố Cần Thơ xử lý theo quy định hiện hành.
3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn điều lệ thực hiện theo quy định của NHNN.
4. Sau khi đã thay đổi vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của NHNN, Ngân hàng phải đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về vốn điều lệ mới đồng thời thực hiện việc đăng báo Trung ương, địa phương theo quy định của pháp luật về số vốn điều lệ mới. Chậm nhất 05 ngày kể từ ngày đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về mức vốn điều lệ mới, Ngân hàng phải gửi văn bản này (có xác nhận của cơ quan công chứng nhà nước) kèm danh sách cổ đông góp vốn mới (trường hợp tăng vốn điều lệ) và toàn bộ danh sách cổ đông sau khi thực hiện thay đổi vốn điều lệ cho:
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - Vụ các Ngân hàng.
 - Ngân hàng Nhà nước – Chi nhánh Thành phố Cần Thơ.
5. Hội đồng Quản trị Ngân hàng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thẩm định hồ sơ, thủ tục, điều kiện để chấp thuận cho cổ đông góp vốn theo các yêu cầu quy định của NHNN và Điều lệ của Ngân hàng.

Điều 18. Vốn hoạt động của Ngân hàng gồm các nguồn sau:

1. Vốn điều lệ của Ngân hàng.
2. Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá.
3. Các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi.
4. Vốn huy động theo các hình thức quy định tại Điều 4 của Điều lệ này.

5. Lợi nhuận để lại chưa phân bổ.
6. Vốn tài trợ, vốn uỷ thác đầu tư để cho vay theo các chương trình, dự án có mục tiêu riêng của Chính phủ giao.
7. Các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.

MỤC V.

CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 19. Cổ phần, cổ đông

1. Ngân hàng Miền Tây có tối thiểu 100 cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa.
2. Các loại cổ phần, cổ đông:

Ngân hàng có cổ phần phổ thông ghi danh, người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi biểu quyết.
3. Cổ phần của Ngân hàng có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác được quy định tại Điều lệ của Ngân hàng và theo các quy định của pháp luật.
4. Trường hợp góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thì phải là những tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ngân hàng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc định giá và chuyển quyền sử dụng đất và quyền sở hữu các tài sản này được thực hiện theo quy định tại Điều 22, Điều 23 Luật doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

Phần góp vốn bằng vàng, ngoại tệ tự do chuyển đổi phải được bán cho tổ chức khác để chuyển đổi ra tiền Việt Nam.
5. Hội đồng Quản trị quyết định giá chào bán cổ phần. Trường hợp giá chào bán cổ phần cao hơn mệnh giá cổ phần thì phải được quyết nghị thông qua của Đại hội đồng cổ đông, phần chênh lệch được hạch toán vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.
6. Bất kỳ cổ phần phổ thông mới nào được dự kiến phát hành sẽ được chào bán trước tiên cho các cổ đông theo tỷ lệ tương đương với số cổ phần tương ứng mà họ hiện đang nắm giữ. Việc chào bán sẽ được thực hiện bằng thông báo nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn (không ít hơn mười lăm ngày) chấp nhận chào bán. Bất kỳ cổ phần nào không được chấp nhận theo thông báo chào bán đó sẽ thuộc quyền xử lý của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có thể phân phối các quyền mua cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được chào bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác; Hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng Khoán.

7. Ngân hàng Miền Tây có thể mua cổ phần do chính Ngân hàng Miền Tây đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật. Cổ phần phổ thông được Ngân hàng Miền Tây mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định Luật chứng khoán và những quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 20. Giới hạn sở hữu cổ phần

1. Một cổ đông cá nhân được sở hữu tối đa 10% vốn điều lệ của Ngân hàng Miền Tây
2. Cổ đông là tổ chức được sở hữu tối đa 20% vốn điều lệ của Ngân hàng Miền Tây.
3. Cổ đông và những người có liên quan của cổ đông đó được sở hữu tối đa 20% vốn điều lệ của Ngân hàng Miền Tây.
4. Tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện theo quy định riêng của pháp luật.
5. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi, sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần tại Điều này.

Điều 21. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu của Ngân hàng bao gồm các thông tin chủ yếu sau:
 - a. Tên, trụ sở chính của Ngân hàng.
 - b. Số và ngày cấp giấy phép thành lập và hoạt động.
 - c. Số lượng cổ phần và loại cổ phần.
 - d. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu.
 - e. Tên cổ đông (đối với cổ phiếu có ghi tên).
 - f. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phiếu.
 - g. Chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật và dấu của Ngân hàng.
 - h. Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông và ngày phát hành cổ phiếu.
 - i. Đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi biểu quyết, ngoài những thông tin trên còn phải ghi rõ mức được biểu quyết và thời hạn hiệu lực ưu đãi biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này.
2. Mỗi cổ đông sẽ được Ngân hàng cấp cổ phiếu theo từng loại cổ phần để ghi nhận số vốn góp.
3. Mỗi cổ phiếu được cấp phát không được ghi nhận nhiều loại cổ phần.
4. Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ đăng ký cổ đông liên quan đến bất kỳ loại cổ phần nào, sẽ được cấp miễn phí một giấy chứng nhận sau khi mua hoặc nhận cổ phần chuyển nhượng trong vòng 30 ngày. Các cổ phần do thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát và các cổ đông lớn sở hữu, cổ đông sáng lập và cổ đông nước ngoài phải được đăng ký.

5. Trường hợp chi chuyển nhượng một số cổ phần đã đăng ký trong một cổ phiếu, cổ phiếu cũ sẽ bị huỷ bỏ và một cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
6. Ngân hàng có thể quản lý cổ phiếu hộ cho cổ đông hoặc cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Trường hợp cổ phiếu có ghi tên bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác, cổ đông phải báo ngay và đề nghị Ngân hàng cấp lại cổ phiếu khác và phải trả phí theo quy định của Ngân hàng.
7. Người nắm giữ cổ phiếu không ghi tên chịu trách nhiệm duy nhất trong việc quản lý an toàn cổ phiếu và Ngân hàng sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về việc mất hoặc sử dụng cổ phiếu gian lận.
8. Cổ phiếu của Ngân hàng không được dùng để cầm cố tại chính Ngân hàng.
9. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về mức vốn điều lệ mới, Ngân hàng phải phát hành cổ phiếu mới cho các cổ đông.

Điều 22. Chuyển nhượng cổ phần, thu hồi cổ phần

1. Cổ phần của cổ đông nắm giữ cổ phiếu có ghi tên hoặc không ghi tên được coi là đã chuyển nhượng khi các thông tin quy định trong Điều 24 của Điều lệ này được ghi đầy đủ trong Sổ đăng ký cổ đông.
2. Các trường hợp chuyển nhượng cổ phần sau đây phải được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi chuyển nhượng:
 - a. Các giao dịch mua bán mức cổ phần trọng yếu.
 - b. Các giao dịch mua bán cổ phần dẫn đến cổ đông đang sở hữu mức cổ phần trọng yếu trở thành không sở hữu cổ phần trọng yếu và ngược lại.
3. Việc chuyển nhượng cổ phiếu có ghi tên và không ghi tên, được thực hiện căn cứ theo các quy định của **Luật các tổ chức tín dụng** và các quy định hướng dẫn thi hành. Hình thức chuyển nhượng được xác lập bằng văn bản do Hội đồng Quản trị quy định cụ thể. Văn bản chuyển nhượng được người chuyển nhượng, người nhận chuyển nhượng hay đại diện được ủy quyền hợp pháp của những người này ký. Cổ phiếu đã được chuyển nhượng khi ghi đúng và đủ những thông tin tại Điểm d Khoản 1 Điều 24 của Điều lệ này vào Sổ đăng ký cổ đông, kể từ thời điểm đó, người nhận chuyển nhượng cổ phần được công nhận là cổ đông của Ngân hàng.
4. Trình tự thủ tục xin thay đổi cổ phần có ghi tên của cổ đông phải thực hiện theo đúng quy định của NHNN.
5. Trong trường hợp một cổ đông bị chết, việc giải quyết quyền lợi, trách nhiệm của cổ đông được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế.
6. Ngân hàng phải chấp hành các quy định về niêm yết, phát hành cổ phiếu tại trung tâm giao dịch chứng khoán theo quy định của NHNN, quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước, Điều lệ của Ngân hàng và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

7. Cổ đông cá nhân, cổ đông pháp nhân có người đại diện vốn góp là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc trong thời gian đảm nhiệm chức danh và trong thời gian 01 năm, kể từ thời điểm không đảm nhiệm chức danh, được chuyển nhượng cổ phần nhưng phải giữ lại tối thiểu 50% tổng số cổ phần mà mình sở hữu vào thời điểm được Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc được Hội đồng quản trị bổ nhiệm và phải có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước trước khi thực hiện việc chuyển nhượng cổ phần tối thiểu 15 ngày làm việc đối với số cổ phần được phép chuyển nhượng.
8. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

MỤC VI.

CÁC CƠ QUAN VÀ CƠ CHẾ THAM GIA QUYẾT ĐỊNH

Điều 23. Các cơ quan

Cơ quan của Ngân hàng bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng Quản trị;
- c. Ban Kiểm soát;
- d. Tổng Giám đốc.

MỤC VII.

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 24. Sổ đăng ký cổ đông

1. Ngân hàng phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy phép thành lập và hoạt động. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - a. Tên, trụ sở của Ngân hàng.
 - b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số phần được quyền chào bán của từng loại.
 - c. Diễn biến tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.
 - d. Tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, tổng số cổ phần của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng. Định kỳ 6 tháng một lần Ngân hàng phải có báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước – Chi nhánh Thành phố Cần Thơ biết nếu có sự thay đổi một trong những nội dung nêu tại khoản 1 Điều này.

3. Sau khi niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán, việc lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
4. Cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng phải được đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.

Điều 25. Quyền hạn của cổ đông

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Ngân hàng và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát (nếu đủ số cổ phần tối thiểu phải có theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng). Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
 - b. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Được ưu tiên mua cổ phần mới khi Ngân hàng tăng vốn điều lệ theo tỷ lệ số cổ phần hiện có của mỗi cổ đông. Việc chào bán cổ phần mới được thực hiện bằng thông báo chào bán có nêu số cổ phần chào bán và thời gian chấp nhận mua (không dưới 15 ngày). Trường hợp cổ đông không chấp nhận mua cổ phần mới, Hội đồng quản trị được quyền chào bán số cổ phần mới đó cho những người thích hợp khác theo những điều kiện và cách thức phù hợp nhưng không được thuận lợi hơn những điều kiện trước đó đã chào cho cổ đông.
 - d. Được chuyển nhượng cổ phần theo quy định trong Điều lệ của Ngân hàng, phù hợp với các quy định của NHNN.
 - e. Được nhận thông tin về tình hình hoạt động của Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ này; được xem xét, tra cứu, trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin chính xác; được xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Ngân hàng Miền Tây, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - f. Được uỷ quyền từng lần bằng văn bản cho người khác trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông theo điều lệ của Ngân hàng; người được uỷ quyền không được uỷ quyền lại và không được ứng cử với tư cách của chính mình.
 - g. Khi Ngân hàng giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần các tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vào Ngân hàng theo quy định của pháp luật về giải thể, phá sản.
 - h. Được đề nghị Ngân hàng mua lại cổ phần theo quy định của NHNN và các quy định pháp luật khác có liên quan.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng có thêm các quyền sau:

- a. Đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- c. Xem và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng Miền Tây khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng Miền Tây; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

Điều 26. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn do Ngân hàng Miền Tây quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần.
2. Chấp hành Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Ngân hàng.
3. Chấp hành các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.
4. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi số vốn đã góp.
5. Không được rút vốn cổ phần dưới bất cứ hình thức nào.
6. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần; Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng Miền Tây nhưng phải phù hợp với các quy định của pháp luật.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Ngân hàng dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật.
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Ngân hàng Miền Tây.
 - d. Các hành vi khác khi không có sự chấp thuận hợp lệ của Ngân hàng Miền Tây.

Điều 27. Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Ngân hàng Miền Tây và tất cả các cổ đông có tên trong danh sách đăng ký cổ đông đều có quyền tham dự. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên họp trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên được Hội đồng Quản trị triệu tập và tổ chức tại Việt Nam. Địa điểm cụ thể do Hội đồng Quản trị quyết định căn cứ vào tình hình thực tế. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được pháp luật và Điều lệ này quy định. Các kiểm toán viên độc lập sẽ tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên để tư vấn việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

Điều 28. Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng. Đại hội đồng cổ đông sẽ được coi là cần thiết phải triệu tập nếu kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là cần thiết để thảo luận báo cáo kiểm toán hoặc tình trạng tài chính của Ngân hàng và thông báo cho Hội đồng Quản trị.
 - b. Tình hình tài chính của Ngân hàng cho thấy Ngân hàng bị lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định của NHNN.
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị hoặc số thành viên của Ban kiểm soát nhỏ hơn hai phần ba tổng số thành viên quy định của Điều lệ Ngân hàng hoặc không có đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của Điều lệ Ngân hàng.
 - d. Cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp (văn bản kiến nghị cần có chữ ký của các cổ đông có liên quan);
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của người quản lý theo quy định tại Điều 119 của Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.
 - f. Theo yêu cầu của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước – Chi nhánh Thành phố Cần Thơ.
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng Miền Tây
2. Hội đồng Quản trị phải triệu tập một cuộc họp các cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được một trong các yêu cầu hoặc ngày xảy ra các một trong các sự kiện nêu tại khoản 1 Điều này.
3. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này, **trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo**, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.
4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định, **trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo**, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị. Ban kiểm

soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

5. Tất cả các chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông sẽ do Ngân hàng thanh toán, vì mục đích rõ ràng, các chi phí đó sẽ không bao gồm chi phí mà cổ đông phải chịu để tham dự Đại hội đồng cổ đông, như chi phí ăn ở và đi lại và các chi phí liên quan khác.

Điều 29. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ và quyền hạn:
 - a. Sửa đổi, bổ sung điều lệ này.
 - b. Thảo luận và thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh, báo cáo kiểm toán, quyết toán tài chính, phương án phân phối lợi nhuận, chia lợi tức cổ phần và trích lập, sử dụng các quỹ theo đề nghị của Hội đồng quản trị; Phương hướng, nhiệm vụ và ngân sách tài chính cho năm tài chính mới.
 - c. Thảo luận và thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.
 - d. Thành lập Công ty trực thuộc.
 - e. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, mua lại, giải thể Ngân hàng và Công ty trực thuộc của Ngân hàng.
 - f. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý và điều hành của Ngân hàng; Quy chế nhân viên, biên chế, quỹ lương, thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.
 - g. Quyết định đề án hoạt động đối ngoại.
 - h. Quyết định đề án xây dựng cơ sở vật chất và trang bị kỹ thuật.
 - i. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp và tổ chức tín dụng khác.
 - j. Thông qua việc mua cổ phiếu bằng giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng.
 - k. Quyết định các hợp đồng kinh tế, dân sự (không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế tại các điều 77, 78, 79, 80 của Luật các tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn dưới luật) có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn tự có của Ngân hàng (theo quy định của NHNN) với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn và với người có liên quan của họ.
 - l. Quyết định những thay đổi quy định tại khoản 1, Điều 31 Luật các tổ chức tín dụng, trừ những thay đổi về địa điểm sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, về chuyển nhượng cổ phần có ghi tên quá tỷ lệ quy định của NHNN và về Tổng Giám đốc Ngân hàng.
 - m. Quyết định giải pháp khắc phục các biến động lớn về tài chính của Ngân hàng.

- n. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, và Ban kiểm soát nếu hết nhiệm kỳ hoặc bầu bổ sung thay thế.
 - o. Xem xét sai phạm và quyết định hình thức xử lý các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho cổ đông và Ngân hàng.
 - p. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán.
 - q. Quyết định việc mua lại cổ phần đã bán theo quy định pháp luật hiện hành.
 - r. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi.
 - s. Các quyền và nhiệm vụ khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định và ghi vào Điều lệ này.
2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông về:
- a. Bất kỳ hợp đồng nào liên quan đến Điều 42 mà cổ đông đó hoặc một người có liên quan của cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Bất kỳ việc mua cổ phiếu nào từ cổ đông hoặc bất kỳ người có liên quan của cổ đông đó;
3. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết thông qua các quyết định về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 30. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất mười ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ tên, địa chỉ thường trú đối với cá nhân; tên, trụ sở đối với tổ chức; số lượng cổ phần mỗi loại của từng cổ đông.
- 3. Mỗi cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- 4. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.
- 5. Cổ đông có quyền yêu cầu người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 31. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền được ủy quyền lại bằng văn bản cho người khác nếu được cổ đông ủy quyền đồng ý. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm quy định cụ thể nội dung cần thiết trong văn bản ủy quyền, nhưng phải có các yếu tố sau:
 - a. Trường hợp cổ đông là thể nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: Họ tên người ủy quyền, địa chỉ thường trú, số chứng minh thư nhân dân, số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; Họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số chứng minh thư nhân dân của người được ủy quyền, người ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình.
 - b. Trường hợp cổ đông là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: Tên pháp nhân, địa chỉ pháp nhân, họ tên và số chứng minh nhân dân của người ủy quyền (người đại diện số vốn góp cổ phần của pháp nhân), số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; Họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số chứng minh thư nhân dân của người được ủy quyền, người ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình và đóng dấu của pháp nhân. Trường hợp chữ ký của người ủy quyền chưa có thẩm quyền được đóng dấu pháp nhân thì phải được đại diện có đủ thẩm quyền của pháp nhân ký tên, đóng dấu để xác nhận đó là chữ ký của người ủy quyền.
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

Điều 32. Triệu tập Đại hội cổ đông, Chương trình họp và thông báo

1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập một danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết như quy định tại Điều 30 của Điều lệ này, chương trình họp, và các tài liệu phù hợp với Luật pháp và các quy chế của Ngân hàng.
 - b. Khẳng định thời gian và địa điểm đại hội;
 - c. Thông báo cho tất cả các cổ đông về Đại hội đồng cổ đông và gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông cho họ.
2. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, 01 tờ báo trung ương hoặc địa phương nơi Ngân hàng

Miền Tây đóng trụ sở chính. Đối với cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu, Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp. Trong trường hợp là nhân viên của Ngân hàng Miền Tây, Thông báo có thể được gửi tới từng cá nhân trong các phong bì dán kín để tại nơi làm việc. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Ngân hàng Miền Tây bằng văn bản về số Fax hoặc địa chỉ thư điện tử, Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số Fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Thông báo họp phải được gửi ít nhất 15 ngày trước ngày Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày Thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo về Đại hội đồng cổ đông được đăng trên trang Website: www.westernbank.vn, đồng thời với việc gửi giấy mời và tài liệu cho các cổ đông.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 6 tháng có quyền kiến nghị các vấn đề cần đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Ngân hàng chậm nhất ba ngày trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều này trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.
 - b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng.
 - d. Những vấn đề không phù hợp với quy định tại Điều lệ Ngân hàng Miền Tây và không phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Chỉ Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đính kèm thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.
6. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo Nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
7. Trường hợp tất cả các cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 33 . Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông và Biên bản

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những người được uỷ quyền dự họp đại diện ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Trường hợp, không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 phút kể từ thời điểm dự định họp thì Đại hội đồng cổ

đồng phải được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những người được uỷ quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần hai không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 phút kể từ thời điểm dự định họp, thì Đại hội đồng cổ đông lần 3 được triệu tập họp trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông, tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể quyết định một cách hợp lệ.

Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều lệ.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông, trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt thì thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch Hội đồng Quản trị uỷ quyền sẽ chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông. Nếu Chủ tịch Hội đồng Quản trị không uỷ quyền cho bất kỳ thành viên Hội đồng Quản trị nào, thì sau khi có đủ số cổ đông và người được uỷ quyền đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định dự họp các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát có mặt dự họp tại Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm tổ chức để Đại hội đồng cổ đông tiến hành biểu quyết nhằm bầu một người làm chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông trong số các cổ đông. Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu sẽ đề cử thư ký để lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Trường hợp, Đại hội đồng cổ đông được triệu tập bởi Ban kiểm soát hoặc cổ đông lớn thì sau khi có đủ số cổ đông và người được uỷ quyền đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định dự họp, người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm tổ chức để Đại hội đồng cổ đông tiến hành biểu quyết nhằm bầu một người làm chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông trong số các cổ đông. Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu sẽ đề cử thư ký để lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi:
 - a. Được số cổ đông đại diện ít nhất 65 % tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
 - b. Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng Miền Tây; chia tách, sáp nhập, hợp nhất, mua lại hoặc bán lại, giải thể Ngân hàng và Công ty trực thuộc của Ngân hàng Miền Tây thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
5. Người chủ tọa họp Đại hội cổ đông chịu trách nhiệm bảo quản các biên bản và chuẩn bị gửi cho tất cả các cổ đông ngay khi Đại hội cổ đông kết thúc, và các biên bản này được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc được tiến hành tại Đại

hội đó. Biên bản này phải được lập bằng tiếng Việt, được chủ tọa của Đại hội và Thư ký ký tên. Biên bản chủ yếu gồm các nội dung sau đây:

- a. Ngày tháng và địa điểm tổ chức Đại hội cổ đông.
 - b. Chương trình họp.
 - c. Đại biểu tham dự, họ tên chủ tịch (chủ tọa) và thư ký.
 - d. Tóm tắt các bài phát biểu tại Đại hội cổ đông.
 - e. Các vấn đề được thảo luận và các quyết định được Đại hội cổ đông thông qua, số phiếu thuận, số phiếu chống, số phiếu trắng và những vấn đề còn tồn đọng.
 - f. Tổng số phiếu của các cổ đông tham dự.
 - g. Tổng số phiếu về từng vấn đề.
 - h. Tên và chữ ký của chủ tịch (chủ tọa) và thư ký.
6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Biên bản sẽ là bằng chứng cho các nội dung công việc đã được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông.
 7. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và các văn bản ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại các trụ sở của Ngân hàng. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày thông qua, tất cả các quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi cho Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thành phố Cần Thơ và thông báo cho tất cả các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.
 8. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành nhằm đảm bảo các cổ đông có quyền dự họp được đăng ký. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông phải làm thủ tục đăng ký, ký tên vào Sổ chữ ký có nêu rõ số cổ phần và loại cổ phần của mình. Cổ đông sở hữu cổ phiếu không ghi tên phải trình cổ phiếu của mình và số hiệu cổ phiếu đó phải được ghi vào Sổ chữ ký.
 9. Khi tiến hành đăng ký, Ngân hàng sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, tên của cổ đông và người đại diện ủy quyền và số phiếu biểu quyết mà cổ đông đó có. Biểu quyết tại Đại hội sẽ được tiến hành bằng cách thu số thẻ tán thành một quyết định và sau đó thu số thẻ phủ quyết quyết định đó, và sau đó đếm tổng số phiếu biểu quyết. Tổng số phiếu ủng hộ một vấn đề, phủ quyết một vấn đề, hoặc không biểu quyết, sẽ được chủ tọa thông báo ngay sau khi biểu quyết một quyết định. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì chủ tọa sẽ chọn những người đó.
 10. Các cổ đông đến Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội đó để cho những cổ đông này đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

11. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp Đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng: (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội; (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp; hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc Đại hội.
12. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 11 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
13. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
14. Thay đổi các quyền:
 - a. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.
 - b. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
 - c. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Ngân hàng sẽ không bị thay đổi khi Ngân hàng phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 34. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và của pháp luật

có liên quan. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản với điều kiện phải được sự nhất trí bằng văn bản của các cổ đông đại diện ít nhất 75% số cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng Miền Tây.

2. Để các quyết định được các cổ đông nhất trí thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, Hội đồng Quản trị có trách nhiệm:
 - a. Quyết định các vấn đề cần đưa ra xem xét lấy ý kiến của các cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng Miền Tây, cách thức và nội dung biểu quyết theo Điều lệ này và pháp luật;
 - b. Chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Gửi Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và các tài liệu giải trình cho cổ đông, trong đó quy định ngày phải gửi trả lại ("Ngày hoàn trả") các tài liệu đó (nếu cần) kèm Phiếu lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông cho Ngân hàng Miền Tây; Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau: tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Ngân hàng Miền Tây; mục đích lấy ý kiến; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành, không có ý kiến; thời hạn gửi về Ngân hàng Miền Tây Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Miền Tây;
 - c. Tổng hợp ý kiến biểu quyết để xác định quyết định của Đại hội đồng cổ đông và trong vòng 15 ngày kể từ Ngày hoàn trả, Hội đồng Quản trị phải có văn bản thông báo kết quả biểu quyết và quyết định của Đại hội đồng cổ đông gửi cho Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng Miền Tây đặt trụ sở chính và cho tất cả các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng Miền Tây. Phiếu lấy ý kiến được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo pháp luật hoặc theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng Miền Tây phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng sau thời hạn đã xác định hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm chức vụ quản lý trong Ngân hàng Miền Tây. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau: Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh; mục đích và các vấn đề cần xin ý kiến để thông qua quyết định; số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề; các quyết định đã được thông qua; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Miền Tây, người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng Quản trị và

người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của Biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

3. Biên bản kết quả kiểm phiếu được gửi cho các cổ đông trong vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng Miền Tây.

Điều 35. Huỷ bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát có quyền yêu cầu toà án hoặc NHNN xem xét và huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện theo quy định hiện hành của NHNN và điều lệ của Ngân hàng.
2. Nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ của Ngân hàng.

MỤC VIII.

ĐIỀU KHOẢN CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 36. Nhiệm vụ chung

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính của Ngân hàng; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Ngân hàng.
3. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng.
4. Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác trong Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng được bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm phải được Thống đốc NHNN chuẩn y.

Điều 37. Những người không được tham gia quản trị, kiểm soát và không được giữ chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc

1. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng:

- a. Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
 - b. Đã bị kết án về các tội nghiêm trọng xâm phạm an ninh quốc gia, các tội nghiêm trọng xâm phạm sở hữu, các tội nghiêm trọng về kinh tế;
 - c. Đã bị kết án về các tội phạm khác mà chưa được xoá án;
 - d. Đã từng là thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc của một Công ty đã bị phá sản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 50 của Luật phá sản doanh nghiệp;
 - e. Đã từng là đại diện theo pháp luật của một Công ty bị đình chi hoạt động do vi phạm pháp luật nghiêm trọng;
 - f. Thuộc đối tượng quy định tại Điều 9, Điều 90 Luật doanh nghiệp, Điều 17 Pháp lệnh cán bộ, công chức và Điều 13 Pháp lệnh chống tham nhũng;
 - g. Đang vay vốn hoặc đang là người bảo lãnh, tái bảo lãnh khoản tín dụng của chính Ngân hàng;
 - h. Có bố, mẹ, vợ, chồng, con đang vay vốn hoặc đang là người bảo lãnh, tái bảo lãnh khoản tín dụng của chính Ngân hàng;
 - i. Là cổ đông sở hữu trên 10% vốn điều lệ hoặc có bố, mẹ, vợ chồng, con là cổ đông sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đang được Ngân hàng cấp tín dụng không có bảo đảm, cấp tín dụng với điều kiện ưu đãi;
 - j. Không đảm bảo tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, năng lực điều hành và trình độ chuyên môn theo quy định của NHNN;
 - k. Không đảm bảo quy định khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định và ghi vào Điều lệ của Ngân hàng.
2. Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc không được là thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng hoặc Giám đốc chi nhánh của Ngân hàng.

Điều 38. Đương nhiên mất tư cách

- 1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc:
 - a. Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
 - b. Tư cách pháp nhân của cổ đông chấm dứt;
 - c. Thuộc một trong các đối tượng quy định từ Điểm a đến Điểm e của Khoản 1 của Điều 37 Điều lệ này;
 - d. Mất tư cách đại diện quản lý cổ phần của cổ đông pháp nhân;
 - e. Khi bị Toà án trực xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - f. Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.

2. Chức danh đã được thống đốc NHNN chuẩn y của những người quy định tại Khoản 1 Điều này đương nhiên hết hiệu lực.
3. Trường hợp bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e của khoản 1 Điều này, Hội đồng Quản trị Ngân hàng phải có ngay văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi lên NHNN – Chi nhánh Thành phố Cần Thơ và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật, đồng thời xử lý theo quy định tại Điều 48, Điều 53 và Điều 58 của Điều lệ này.

Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm

1. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Ngân hàng bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:
 - a. Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;
 - b. Có đơn xin từ chức với lý do hợp lý;
 - c. Thuộc đối tượng vi phạm quy định tại Điểm g đến Điểm k của Khoản 1 và Khoản 2 của Điều 37 của Điều lệ này;
 - d. Không đảm bảo số cổ phần sở hữu tối thiểu do Điều lệ Ngân hàng quy định (áp dụng đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban kiểm soát);
 - e. Vi phạm quy định của pháp luật, quy định của NHNN và Điều lệ Ngân hàng về mua, bán và chuyển nhượng cổ phần;
 - f. Vi phạm quy định của pháp luật, của NHNN và Điều lệ Ngân hàng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
 - g. Đối với thành viên Hội đồng quản trị (hoặc thành viên Ban kiểm soát): thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị (của Ban kiểm soát) trong 06 tháng liên tục và trong thời gian này Hội đồng quản trị (Ban kiểm soát) không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ này bỏ trống.
2. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Ngân hàng sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

Điều 40. Kiểm soát đặc biệt

1. Trường hợp Ngân hàng bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ban kiểm soát đặc biệt tại Ngân hàng có quyền tạm đình chỉ quyền quản trị, kiểm soát, điều hành của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc nếu xét thấy cần thiết.
2. Trong thời gian bị tạm đình chỉ quyền quản trị, kiểm soát, điều hành hoặc sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh do vi phạm Điều 39 Điều lệ này và chờ làm thủ tục

trình Thống đốc NHNN chuẩn y, các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát được tham dự họp nhưng không được quyền biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát.

MỤC IX.

CÁC NGHĨA VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 41. Nghĩa vụ thận trọng của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và thành viên Ban điều hành

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên của Ban điều hành có nghĩa vụ phải thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và theo cách thức mà những người này xét là có lợi cho Ngân hàng phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng với mức độ thận trọng mà một người cẩn thận thông thường cũng sẽ thực hiện tương tự khi ở vào điều kiện và hoàn cảnh tương tự.

Điều 42. Nghĩa vụ trung thành và tránh xung đột quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên khác của Ban điều hành được uỷ thác trách nhiệm không được sử dụng cho bản thân những cơ hội kinh doanh mà Ngân hàng có thể sử dụng để tạo lợi thế riêng cho Ngân hàng và không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ đang nắm giữ để thu lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức kinh tế hoặc cá nhân nào khác.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên khác của Ban điều hành có nghĩa vụ khai báo cho Hội đồng Quản trị bất kỳ quyền lợi có thể gây xung đột mà họ có thể có ở các tổ chức kinh tế khác, các giao dịch hoặc cá nhân khác, và chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi Hội đồng Quản trị (gồm các thành viên Hội đồng Quản trị không có quyền lợi liên quan) đã xem xét và chấp thuận.
3. Các hợp đồng kinh tế, dân sự (không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế tại các điều 77, 78, 79, 80 của Luật các tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn dưới luật) của Ngân hàng với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn và với người có liên quan của họ, chỉ được ký kết, nếu đảm bảo thực hiện đúng theo quy định sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn tự có của Ngân hàng (theo quy định của Ngân hàng Nhà nước) thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông là bên ký hợp đồng hoặc cổ đông có liên quan với bên ký hợp đồng, không được phép tham gia biểu quyết.

- b. Đối với hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn tự có của Ngân hàng (theo quy định của Ngân hàng Nhà nước) thì phải được Hội đồng Quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng Quản trị là bên ký hợp đồng hoặc thành viên Hội đồng Quản trị có liên quan với bên ký hợp đồng, không được phép tham gia biểu quyết.
4. Trường hợp hợp đồng được ký kết mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận theo quy định tại khoản 3 Điều này thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Ngân hàng phải có trách nhiệm bồi thường.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên khác của Ban điều hành không được mua hoặc bán hoặc giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng hay các công ty trực thuộc khi họ có quyền chiếm hữu thông tin có thể ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu này trong khi các cổ đông khác không có thông tin đó.

Điều 43. Trách nhiệm và bồi thường

1. Trách nhiệm: Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên khác của Ban điều hành phải có nghĩa vụ chấp hành đúng các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ Ngân hàng và các Quy chế nội bộ của ngân hàng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình và phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm nghĩa vụ của mình gây ra.
2. Bồi thường: Ngân hàng sẽ bồi thường toàn bộ chi phí hợp lý về việc khiếu nại, tố tụng liên quan đối với công việc thuộc trách nhiệm được giao của lãnh đạo, cán bộ, nhân viên của ngân hàng mà những người này phải tham gia, với điều kiện những người này đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các Quy chế của Ngân hàng. Ngân hàng có thể mua và duy trì bảo hiểm cho những người này đối với các trách nhiệm đó.

MỤC X. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 44. Thành phần và nhiệm kỳ

1. Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị với số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng Quản trị có từ 05 đến 11 thành viên. Một thành viên Hội đồng Quản trị phải sở hữu tối thiểu 01 tỷ đồng vốn cổ phần của Ngân hàng. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có nhiệm kỳ dài nhất 05 năm và có thể được bầu lại tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo. Khi bầu các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ngân hàng phải dự kiến ít nhất một phần ba (1/3) số thành viên Hội đồng Quản trị sẽ tham gia bầu cử hoặc tái bầu cử trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.
3. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Ngân hàng. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi

nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị được thực hiện theo quy định của NHNN. Kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng phải được NHNN chuẩn y.

4. Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng Quản trị không được uỷ quyền cho những người không phải là thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Ngân hàng này không được phép tham gia Hội đồng Quản trị hoặc tham gia điều hành tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty trực thuộc của Ngân hàng.
6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc, trừ trường hợp bất khả kháng Phó Tổng Giám đốc không đủ điều kiện tiêu chuẩn theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị tạm thời kiêm nhiệm, sau đó Chủ tịch Hội đồng Quản trị trình Hội đồng Quản trị trong kỳ họp gần nhất để bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc mới.
7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải là người Việt Nam và cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
8. Trường hợp cổ đông nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) tham gia Hội đồng Quản trị phải có thêm các điều kiện sau:
 - a. Tỷ lệ số người tham gia thành viên Hội đồng Quản trị chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại Ngân hàng;
 - b. Không làm thành viên Hội đồng Quản trị quá 02 tổ chức tín dụng tại Việt Nam;
 - c. Không được giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Ngân hàng.
9. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Ngân hàng Miền Tây quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 45. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

1. Quản trị Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động cũng như những sai phạm trong quản lý, vi phạm Điều lệ này và vi phạm pháp luật gây thiệt hại cho Ngân hàng.

4. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các nội dung quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, p, q khoản 2 Điều 44 Nghị định số 49/2000/NĐ-CP ngày 12/9/2000 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng thương mại.
5. Trình Thống đốc NHNN:
 - a. Phê chuẩn Điều lệ Ngân hàng.
 - b. Thành lập công ty trực thuộc.
 - c. Chấp thuận việc mở sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, thành lập đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng.
 - d. Chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần, liên doanh với các chủ đầu tư nước ngoài.
 - e. Chấp thuận việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, giải thể Ngân hàng thương mại cổ phần và sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, công ty trực thuộc, đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng.
 - f. Chấp thuận những thay đổi được quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật các tổ chức tín dụng.
 - g. Phát hành cổ phiếu mới.
 - h. Chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng Quản trị; Trường ban và các thành viên khác trong Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.
 - i. Chấp thuận tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán hoạt động của Ngân hàng theo quy định của NHNN.
6. Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và công ty trực thuộc của Ngân hàng.
7. Phê duyệt phương án hoạt động kinh doanh do Tổng Giám đốc đề nghị.
8. Quy định về lãi suất, tỷ lệ hoa hồng, phí, mức tiền phạt đối với khách hàng theo quy định của pháp luật.
9. Trích lập và sử dụng các quỹ, chia lợi tức cổ phần theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Ngân hàng, Giám đốc Sở Giao dịch, Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc Công ty trực thuộc, Giám đốc đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ngân hàng.
11. Ban hành quy chế về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý ngoài các chức danh quy định tại Khoản 10 Điều này.
12. Ban hành Quy chế nội bộ về hoạt động của Hội đồng Quản trị, của Ban kiểm soát (Ban kiểm soát xây dựng Quy chế hoạt động trên cơ sở các quy định pháp luật hiện hành để Hội đồng Quản trị ký ban hành).
13. Ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động kiểm tra và kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật.

14. Ban hành Quy chế hoạt động của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, công ty trực thuộc.
15. Ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể việc thực hiện các quy định của Nhà nước và của NHNN về hoạt động Ngân hàng.
16. Quyết định tiền lương, tiền thưởng cho Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc.
17. Giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác và xem xét sai phạm của những người này khi gây thiệt hại cho Ngân hàng Miền Tây và thực hiện các biện pháp cần thiết để khắc phục. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng Miền Tây sẽ bị coi là không có giá trị.
18. Định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định tại Điều 30 Luật doanh nghiệp.
19. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
20. Những vấn đề sau phải được Hội đồng Quản trị thông qua:
 - a. Việc chi định và bãi miễn những người có quyền đại diện thương mại hay đại diện pháp lý của Ngân hàng.
 - b. Bất cứ khoản vay nào của Ngân hàng hay việc cung cấp thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh hoặc bồi thường.
 - c. Đầu tư không có trong kế hoạch kinh doanh và đầu tư ngân sách vượt quá 10% số ngân sách năm ghi trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách.
 - d. Những công việc hoặc giao dịch khác được Hội đồng Quản trị quyết định theo thẩm quyền của mình.
 - e. Việc Ngân hàng Miền Tây mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần.
 - f. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Ngân hàng.

Điều 46. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật và sẽ có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Thay mặt Hội đồng Quản trị triệu tập và chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị.
 - c. Chuẩn bị nội dung, chương trình và điều khiển các phiên họp để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị.
 - d. Tổ chức thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị dưới các hình thức khác.
 - e. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị.

- f. Lập chương trình công tác và phân công nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện quản trị hoạt động của Ngân hàng.
 - g. Ký các văn bản xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị.
 - h. Ký văn bản ủy quyền cho một trong số thành viên Hội đồng Quản trị đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt.
 - i. Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
- a. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, của NHNN, Điều lệ của Ngân hàng.
 - b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
 - c. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng; kế hoạch hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
 - d. Tham dự các phiên họp của Hội đồng Quản trị; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp; chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng Quản trị về những ý kiến của mình.
 - e. Thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng Quản trị.
 - f. Hai phần ba thành viên Hội đồng Quản trị trở lên có quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc họp Hội đồng Quản trị phiên bất thường.
 - g. Chấp hành quy định của Điều lệ Ngân hàng về số cổ phần bắt buộc phải có đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
 - h. Chấp hành các quy định của NHNN và Điều lệ này về việc chuyển nhượng cổ phần. Các thành viên Hội đồng Quản trị sẽ thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và những thành viên này không được ủy quyền cho những người không phải là thành viên Hội đồng Quản trị để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

Điều 47. Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị

Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị không hưởng lương mà hưởng thù lao công vụ và được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Mức thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tổng số phí công vụ (thù lao và các chi phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ) trả cho các thành viên Hội đồng Quản trị và số phí công vụ mà mỗi thành viên Hội đồng Quản trị đã nhận sẽ được nêu chi tiết trong Báo cáo hàng năm của Ngân hàng.

Điều 48. Thay thế thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng Quản trị bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị có

trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng Quản trị để bầu một thành viên Hội đồng Quản trị (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị muốn từ chức Chủ tịch phải có đơn gửi đến Hội đồng Quản trị. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng Quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo quy định hiện hành.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
4. Trường hợp bị giảm quá một phần ba số thành viên Hội đồng Quản trị hoặc không đủ số thành viên Hội đồng Quản trị tối thiểu theo quy định của Điều lệ Ngân hàng, thì trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định, Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.
5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng Quản trị mới để thay thế cho thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.
6. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị mới được bầu xử lý; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

Điều 49. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. **a. Cuộc họp thường kỳ:** Hội đồng Quản trị họp thường kỳ mỗi quý 01 lần vào những ngày đầu tháng của tháng đầu quý sau và có thể triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.
b. Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. **Cuộc họp bất thường:** Cuộc họp bất thường của Hội đồng Quản trị được tiến hành theo đề nghị của:
 - a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
 - b. Ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng Quản trị;
 - c. Trường Ban Kiểm soát; Kiểm toán viên độc lập.
 - d. Ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát trở lên;

- e. Tổng Giám đốc hoặc những người khác do Điều lệ quy định;
 - f. Giám đốc NHNN Chi nhánh Thành phố Cần Thơ.
3. **Trong thời hạn 15 ngày**, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Hội đồng Quản trị bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm b, c, d, e, f của khoản 2 Điều này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường. Trường hợp sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị không triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo NHNN – Chi nhánh Thành phố Cần Thơ và tiến hành họp Hội đồng Quản trị để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch, bầu một thành viên Hội đồng Quản trị đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Chủ tịch, trình NHNN chuẩn y theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có). Nếu Hội đồng Quản trị không đủ số lượng để tổ chức họp và thông qua quyết định, thì Hội đồng Quản trị có trách nhiệm triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo đúng quy định hiện hành để xử lý những tồn tại, vướng mắc của Ngân hàng.
4. **Địa điểm họp:** Các cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Ngân hàng hoặc những địa điểm khác được Hội đồng Quản trị quy định.
5. **Thông báo và chương trình họp:** Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành sau 5 ngày kể từ gửi thông báo cho các thành viên Hội đồng Quản trị. Thông báo về cuộc họp Hội đồng Quản trị được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị và cả các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng Quản trị không thể dự họp. Những thành viên Hội đồng Quản trị này sẽ gửi phiếu bầu biểu quyết cho Hội đồng Quản trị trước khi họp.
6. **Số thành viên tham dự yêu cầu:** Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ hai phần ba số thành viên Hội đồng Quản trị trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền. Trường hợp triệu tập họp Hội đồng Quản trị định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập tiếp cuộc họp Hội đồng Quản trị lần hai trong thời gian không quá 15 ngày tiếp theo. Sau hai lần triệu tập họp Hội đồng Quản trị không đủ số thành viên tham dự, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Hội đồng Quản trị.
7. **Biểu quyết.**
- a. Mỗi thành viên Hội đồng tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị. Nếu thành viên Hội đồng Quản trị không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng Quản trị khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.

- b. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Hội đồng Quản trị quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp. đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên Hội đồng Quản trị khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
 - c. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị và những nghi ngờ đó không được thành viên Hội đồng Quản trị đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Hội đồng Quản trị có liên quan đó chưa được biết rõ.
 - d. Bất kỳ thành viên Hội đồng Quản trị nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại Điều 120 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.
8. **Tuyên bố quyền lợi:** Thành viên Hội đồng Quản trị nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thoả thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thoả thuận dự kiến giao kết với Ngân hàng phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng Quản trị, tại đây Hội đồng Quản trị sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo tại cuộc họp Hội đồng Quản trị đầu tiên sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.
9. **Biểu quyết đa số:** Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch Hội đồng Quản trị uỷ quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt).
10. **Trường hợp Hội đồng Quản trị lấy ý kiến bằng văn bản** để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Hội đồng Quản trị tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:
- a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Hội đồng Quản trị có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến.
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Hội đồng Quản trị.
11. **Biên bản:** Cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp ký tên. Chủ tọa, Thư ký và các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và

trung thực của Biên bản họp Hội đồng Quản trị. Chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp của Hội đồng Quản trị cho các thành viên Hội đồng Quản trị và những biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi Biên bản.

12. **Những người được mời dự họp Hội đồng Quản trị:** Các thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và có thể có các cán bộ quản lý, chuyên gia khác, nhưng không được tham gia biểu quyết.

Điều 50. Bộ máy giúp việc của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị sẽ sử dụng Bộ máy giúp việc và con dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ của mình.
2. Hội đồng Quản trị sẽ có các nhân viên giúp việc chuyên trách và sẽ quy định cụ thể con số và các nhiệm vụ của mỗi thành viên giúp việc.

Điều 51. Thư ký

Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm Thư ký chuyên trách và quy định chức năng, nhiệm vụ của thư ký. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm thư ký vào bất cứ thời điểm nào tuy nhiên không được làm phương hại đến các yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng lao động giữa thư ký và Ngân hàng. Hai hoặc nhiều người có thể được bổ nhiệm là đồng thư ký; chức năng, nhiệm vụ của thư ký bao gồm:

1. Thông báo việc triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hay của Ban kiểm soát;
2. Ghi biên bản cuộc họp;
3. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;
4. Cung cấp thông tin cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Cổ đông.

MỤC XI.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 52. Tổng Giám đốc

1. Điều hành hoạt động Ngân hàng là Tổng Giám đốc, giúp việc Tổng Giám đốc có một số Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.
2. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm trong số thành viên của mình hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký một hợp đồng lao động quy định lương, bồi thường, các quyền lợi và các điều khoản khác đối với Tổng Giám đốc. Lương, bồi thường và các quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo với Đại hội đồng cổ đông và ghi tại báo cáo năm của Ngân hàng.



3. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày Ngân hàng.
4. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc cùng nhiệm kỳ với Hội đồng Quản trị. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Tổng Giám đốc được thực hiện theo Luật các Tổ chức Tín dụng, quy định của Ngân hàng Nhà nước.
5. Tổng Giám đốc không được kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản trị, kiểm soát, điều hành nào tại tổ chức tín dụng khác hoặc công ty khác, trừ trường hợp là công ty trực thuộc của Ngân hàng và chỉ được giữ chức danh quản trị, kiểm soát tại công ty trực thuộc đó.
6. Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng theo sự phân công của Tổng Giám đốc.
7. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Ngân hàng, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 53. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị chỉ được ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, sau khi đã được Ngân hàng Nhà nước – Chi nhánh Thành phố Cần Thơ có văn bản chấp thuận. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của NHNN.
2. Tổng Giám đốc sau khi có quyết định bổ nhiệm của Hội đồng Quản trị, được đảm nhiệm ngay công việc của chức danh mới được bổ nhiệm; Tổng Giám đốc cũ có trách nhiệm bàn giao công việc cho Tổng Giám đốc mới xử lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
3. Trường hợp Tổng Giám đốc bị đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc thì Hội đồng Quản trị phải cử ngay một Phó Tổng Giám đốc đảm bảo các điều kiện theo quy định của NHNN và không thuộc đối tượng quy định tại Điều 37 Điều lệ này đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc và có ngay báo cáo bằng văn bản lên Ngân hàng Nhà nước – Chi nhánh Thành phố Cần Thơ.
4. Trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày Tổng Giám đốc bị đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc hoặc Hội đồng Quản trị nhận được đơn xin từ chức của Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị phải tìm người thay thế và tiến hành các thủ tục xin bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới trình Thống đốc NHNN chuẩn y.
5. Trường hợp Tổng Giám đốc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của NHNN và Điều lệ Ngân hàng, Hội đồng Quản trị có quyền tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng Giám đốc, đồng thời phải cử ngay một Phó Tổng Giám đốc đảm bảo các điều kiện theo quy định của NHNN, không thuộc đối tượng quy định tại Điều 37 Điều lệ này đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc và có ngay văn bản báo cáo, đề xuất xử lý đối với những sai phạm, cũng như chức danh Tổng Giám đốc, gửi Ngân hàng Nhà nước – Chi nhánh Thành phố Cần Thơ giải quyết theo quy định hiện hành.

6. Trong thời gian Tổng Giám đốc chưa được Ngân hàng Nhà nước chuẩn y, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cổ đông về mọi hoạt động của Ngân hàng.

Điều 54. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1. Trình Hội đồng Quản trị:
 - a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng.
 - b. Thành lập công ty trực thuộc.
 - c. Mở sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.
 - d. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý và điều hành tại trụ sở chính; cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; Giám đốc sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp theo quy định của Điều lệ ngân hàng.
 - f. Quy chế hoạt động của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, công ty trực thuộc.
 - g. Quyết định về lãi suất, tỷ lệ hoa hồng, phí, mức tiền phạt đối với khách hàng theo quy định của pháp luật.
 - h. Phát hành cổ phiếu mới.
 - i. Phương án hoạt động kinh doanh.
 - j. Góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp và của tổ chức tín dụng khác.
 - k. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, giải thể Ngân hàng và Sở giao dịch, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Công ty trực thuộc, đơn vị sự nghiệp.
 - l. Những thay đổi quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật các tổ chức tín dụng.
 - m. Tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán các hoạt động của Ngân hàng.
 - n. Hướng dẫn cụ thể việc thực hiện các quy định của Nhà nước liên quan tới Ngân hàng.
2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh thuộc thẩm quyền được quy định trong Quy chế do Hội đồng Quản trị ban hành. Tuyển dụng, kỷ luật và cho thôi việc các nhân viên của Ngân hàng; quyết định lương và phụ cấp đối với người lao động kể cả cán bộ quản lý theo đúng pháp luật và Quy chế do Hội đồng Quản trị ban hành.
 3. Tổ chức thực hiện phương án hoạt động kinh doanh khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

4. Điều hành và quyết định các vấn đề có liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo đúng pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và quyết định của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của Ngân hàng.
5. Đại diện cho Ngân hàng trong quan hệ quốc tế, tổ tụng, tranh chấp, giải thể, phá sản.
6. Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hoả hoạn, sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, sau đó phải báo cáo ngay Hội đồng Quản trị, NHNN và các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền để giải quyết tiếp.
7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, NHNN và các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình.
8. Báo cáo Hội đồng Quản trị, NHNN và các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
9. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và quyết định của Hội đồng Quản trị.

MỤC XII.

BAN KIỂM SOÁT

Điều 55. Thành phần và nhiệm kỳ

1. Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát với số cổ đông đại diện ít nhất 51 % tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận. Ban kiểm soát bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có số thành viên tối thiểu là 03 người và ít nhất có một nửa số thành viên là chuyên trách. Trưởng Ban kiểm soát phải là cổ đông của Ngân hàng.
3. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát có cùng nhiệm kỳ với thành viên Hội đồng Quản trị. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại.

Điều 56. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Sau Đại hội cổ đông đầu tiên, những người được bầu làm Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc triển khai kiểm soát công việc thành lập Ngân hàng.
2. Những người được bầu giữ chức Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao và đảm nhiệm công việc của chức danh được bầu. Những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho những người mới được bầu; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
3. Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:
 - a. Kiểm tra hoạt động tài chính của Ngân hàng; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Ngân hàng.

- b. Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, sáu tháng và hàng năm của Ngân hàng Miền Tây, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện; Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cân trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- c. Thường xuyên thông báo với Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động; tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- d. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính; hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Ngân hàng.
- e. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến hoạt động tài chính của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
- f. Được sử dụng hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Ngân hàng để thực hiện các nhiệm vụ của mình.
- g. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 119 Luật doanh nghiệp hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng Miền Tây.
- h. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 57. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:
 - a. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Khoản 1, và Điểm g Khoản 3 Điều 56 của Điều lệ này.
 - b. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.
 - c. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Kiểm soát.
 - d. Chịu trách nhiệm chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.
 - e. Đề nghị Hội đồng Quản trị họp phiên bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ.
 - f. Chấp hành việc sở hữu số cổ phần tối thiểu và các quy định khác của pháp luật, của NHNN và Điều lệ này.
 - g. Ủy quyền cho một trong số thành viên Ban kiểm soát đảm nhiệm công việc của Trưởng ban trong thời gian vắng mặt.
2. Thành viên Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:
 - a. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát.

- b. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo, bản quyết toán năm tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm nếu có.
 - c. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh.
 - d. Báo cáo Trường Ban kiểm soát về những sự kiện tài chính bất thường, chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình trước Đại hội đồng cổ đông.
 - e. Ít nhất một tháng một lần có văn bản báo cáo tình hình, kết quả kiểm soát trong lĩnh vực được phân công cho Trường Ban kiểm soát.
 - f. Tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với những quyết nghị của Hội đồng Quản trị, được quyền đề nghị ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
 - g. Hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát trở lên có quyền đề nghị Hội đồng Quản trị họp phiên bất thường và triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị có sai phạm nghiêm trọng theo quy định tại Điểm g khoản 3 Điều 56 Điều lệ này.
 - h. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cổ đông về việc xác định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan hoạt động ngân hàng. Trường hợp che dấu hoặc không kịp thời kiến nghị xử lý đối với những sai phạm sẽ phải chịu trách nhiệm liên đới khi thực hiện nhiệm vụ.
 - i. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này.
3. Thành viên chuyên trách của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát không phải là cổ đông được hưởng lương theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, các thành viên Ban kiểm soát khác được hưởng thù lao công vụ. Mức lương hoặc thù lao công vụ của thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Các thành viên Ban kiểm soát được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Tổng số phí công vụ (Lương hoặc thù lao và các chi phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ) trả cho các thành viên Ban kiểm soát và số phí công vụ mà mỗi thành viên Ban kiểm soát đã nhận, được nêu chi tiết trong Báo cáo hàng năm của Ngân hàng.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các thành viên của Ban điều hành phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Ngân hàng theo yêu cầu của Ban kiểm soát và Thư ký phải bảo đảm rằng tất cả bản sao chụp các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng Quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng Quản trị.

Điều 58. Thay thế thành viên Ban kiểm soát

- 1. Thành viên của Ban kiểm soát sẽ đương nhiên bị mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo quy định tại Điều 38 và Điều 39 của Điều lệ này. Trình tự, thủ

tục, hồ sơ xin thay đổi và chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban và các thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của NHNN.

2. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên Ban kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trưởng Ban kiểm soát. Trường hợp không có thành viên Ban kiểm soát là cổ đông, các thành viên Ban kiểm soát còn lại cử một thành viên đảm bảo tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, năng lực điều hành và trình độ chuyên môn theo quy định của NHNN tạm thời đảm nhiệm công việc của Trưởng Ban kiểm soát và đề nghị Hội đồng Quản trị trong thời hạn 60 ngày (kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách) tiến hành triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát trong số các cổ đông của Ngân hàng thay thế và tiến hành thủ tục bầu Trưởng Ban kiểm soát.
3. Trưởng Ban Kiểm soát muốn từ chức Trưởng ban, phải có đơn gửi đến Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban kiểm soát theo quy định hiện hành. Trường hợp các thành viên Ban kiểm soát còn lại không phải là cổ đông, trong thời hạn 60 ngày (kể từ ngày nhận đơn xin từ chức Trưởng Ban kiểm soát), Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để quyết định số thành viên Ban kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Ngân hàng và bầu thành viên Ban kiểm soát trong số các cổ đông của Ngân hàng, sau đó tiến hành thủ tục bầu Trưởng Ban kiểm soát.
4. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.
5. Trường hợp bị giảm quá một phần ba (1/3) số thành viên Ban kiểm soát hoặc không đủ số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu theo quy định của Điều lệ Ngân hàng, trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát theo quy định, Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.
6. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

Điều 59. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

1. **Cuộc họp thường kỳ:** Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.
2. **Cuộc họp Bất thường:** Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:
 - a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
 - b. Ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng Quản trị.
 - c. Trưởng Ban kiểm soát.

- d. Ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát trở lên.
 - e. Tổng Giám đốc hoặc những người khác do Điều lệ quy định.
 - f. Giám đốc NHNN - Chi nhánh Thành phố Cần Thơ.
3. **Trong thời hạn 15 ngày**, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm a, b, d, e, f của khoản 2 Điều này, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo NHNN – Chi nhánh Thành phố Cần Thơ và tiến hành họp Ban kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một thành viên Ban kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng ban, trình NHNN chuẩn y theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).
4. **Địa điểm họp:** Các cuộc họp Ban kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Ngân hàng.
5. **Thông báo và chương trình họp:** Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành sau 5 ngày kể từ gửi thông báo cho các thành viên Ban kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: Chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và cả các phiếu bầu cho những thành viên Ban kiểm soát không thể dự họp. Những thành viên Ban kiểm soát này sẽ gửi phiếu bầu cho Ban kiểm soát trước khi họp.
6. **Số thành viên tham dự yêu cầu:** Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ hai phần ba số thành viên Ban kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban kiểm soát được ủy quyền. Trường hợp triệu tập họp Ban kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 ngày tiếp theo. Sau hai lần triệu tập họp Ban kiểm soát không đủ số thành viên tham dự, Trưởng Ban kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng Quản trị biết và đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban kiểm soát.
7. **Biểu quyết.**
- a. Mỗi thành viên Hội đồng tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.
 - b. Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời

cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

- c. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ toạ của cuộc họp. Phán quyết của Chủ toạ sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.
 - d. Bất kỳ thành viên Ban kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong Điều 120 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.
8. **Tuyên bố quyền lợi:** Thành viên Ban kiểm soát nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thoả thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thoả thuận dự kiến giao kết với Ngân hàng phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng Quản trị và cuộc họp Ban kiểm soát, tại đây Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng Quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban kiểm soát sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.
9. **Biểu quyết đa số:** Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Ban kiểm soát uỷ quyền Chủ toạ cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt).
10. **Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản** để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:
- a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến.
 - b. Số lượng thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban kiểm soát.
11. **Biên bản:** Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản. Chủ toạ cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ

trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi Biên bản.

MỤC XIII.

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA NGÂN HÀNG

Điều 60. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng

1. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng chủ yếu bao gồm các thành phần sau:
 - a. Trụ sở chính;
 - b. Sở giao dịch, các chi nhánh (chi nhánh cấp 1), văn phòng đại diện, các đơn vị sự nghiệp, các công ty con trực thuộc;
 - c. Các chi nhánh thuộc chi nhánh cấp 1 (chi nhánh cấp 2);
 - d. Các chi nhánh thuộc chi nhánh cấp 2 (chi nhánh cấp 3);
 - e. Các phòng giao dịch, điểm giao dịch (tổ tín dụng);
2. Ngân hàng được phép mở Sở giao dịch, các chi nhánh cấp 1, cấp 2 và cấp 3, các văn phòng đại diện, các phòng giao dịch, điểm giao dịch (tổ cho vay), đơn vị sự nghiệp, các Công ty con trực thuộc khi có nhu cầu theo quy định của NHNN. Cơ cấu tổ chức của các đơn vị trên sẽ do Hội đồng Quản trị quy định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 61. Cơ cấu tổ chức của trụ sở chính

Trụ sở chính bao gồm các thành phần sau:

1. Hội đồng Quản trị;
2. Ban kiểm soát;
3. Tổng Giám đốc;
4. Kiểm soát nội bộ.

Điều 62. Bộ máy giúp việc Tổng Giám đốc

1. Các Phó Tổng Giám đốc;
2. Kế toán trưởng;
3. Các chi nhánh, Phòng ban và Phòng Giao dịch;
4. Kiểm soát nội bộ.

MỤC XIV.

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ NGÂN HÀNG

Điều 63. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông lớn được quyền, trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, bằng một yêu cầu bằng văn bản, thẩm tra danh sách các cổ đông của Ngân hàng và các biên

bản của Đại hội đồng cổ đông trong giờ làm việc tại trụ sở kinh doanh chính của Ngân hàng và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Một yêu cầu của người được uỷ quyền phải được kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên Ban điều hành khác có quyền kiểm tra sổ cái của Ngân hàng, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Ngân hàng vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ, quyền hạn của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Ngân hàng sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung của nó, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu đối với các tài sản, các báo cáo tài chính hàng năm đã được xác nhận của Kiểm toán độc lập xác nhận, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác trọng địa bàn hoạt động của trụ sở chính với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Mỗi cổ đông sẽ có quyền nhận được một bản sao Điều lệ này miễn phí. Nếu Ngân hàng có một trang web, Điều lệ sẽ được công bố trên trang web này.

PHẦN XV.

NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 64. Người lao động và Công đoàn

Tổng Giám đốc sẽ phải xây dựng Quy chế liên quan đến việc tuyển dụng, thuê mướn lao động, buộc thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động của Ngân hàng cũng như quan hệ của Ngân hàng với tổ chức Công đoàn, để báo cáo Hội đồng Quản trị xem xét và trình Đại Hội đồng cổ đông thông qua.

MỤC XVI. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 65. Cổ tức

1. Ngân hàng chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận còn lại của Ngân hàng nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng Quản trị đề xuất trên cơ sở trung thực sau khi đã lấy ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được công khai gửi đến tất cả các cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Ngân hàng, tên và địa chỉ của cổ đông, số cổ phần từng loại

của cổ đông, mức cổ tức đối với từng loại cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.

2. Ngân hàng sẽ không trả lãi suất cho bất cứ cổ tức hay một khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.
3. Bất cứ cổ tức hay những khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt có liên quan tới một cổ phiếu sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và cổ đông đó phải chịu rủi ro. Ngoài ra, bất kỳ cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt có liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Ngân hàng Miền Tây đã được cung cấp chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Ngân hàng Miền Tây thực hiện được việc chuyển khoản những khoản tiền đó trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Ngân hàng Miền Tây sẽ không bị truy đòi đối với bất kỳ khoản tiền nào được Ngân hàng Miền Tây chuyển bằng chuyển khoản ngân hàng nhưng cổ đông thụ hưởng không nhận được nếu Ngân hàng Miền Tây đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do chính cổ đông đó cung cấp. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.
4. Những người đã chính thức đăng ký giữ cổ phiếu hoặc các chứng khoán khác có quyền nhận cổ tức, khoản phân bổ, khoản chia, thông báo hoặc tài liệu.
5. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Ngân hàng.
6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

MỤC XVII.

HỆ THỐNG KIỂM TOÁN VÀ KIỂM TRA NỘI BỘ, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 66. Hệ thống kiểm toán và kiểm tra nội bộ

Ngân hàng sẽ thiết lập một hệ thống kiểm toán và kiểm tra nội bộ như sau:

1. Hệ thống kiểm toán, kiểm tra nội bộ chuyên trách (gọi chung là hệ thống kiểm tra nội bộ) thuộc bộ máy điều hành của Tổng Giám đốc từ trụ sở chính đến các sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, công ty trực thuộc giúp Tổng Giám đốc điều hành thông suốt, an toàn và đúng pháp luật mọi hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng.

Những người trong hệ thống kiểm tra nội bộ không kiêm nhiệm các công việc khác của Ngân hàng.

2. Hệ thống kiểm tra nội bộ và các nhân viên làm nghiệp vụ này (Nhân viên kiểm tra nội bộ) độc lập trong hoạt động đối với các bộ phận nghiệp vụ, các sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, các công ty trực thuộc và được độc lập đánh giá, kết luận, kiến nghị trong hoạt động kiểm tra, kiểm toán.

Điều 67. Nhân viên kiểm tra nội bộ

Nhân viên kiểm tra nội bộ của Ngân hàng có các tiêu chuẩn chung của nhân viên ngân hàng và còn đủ các tiêu chuẩn sau đây:

1. Hiểu biết pháp luật, thông thạo nghiệp vụ mà mình đảm nhận.
2. Có bằng đại học về ngân hàng hoặc kinh tế, kế toán tài chính.
3. Có thời gian công tác ngân hàng ít nhất là 3 năm.

Điều 68. Trách nhiệm của hệ thống kiểm tra nội bộ

Hệ thống kiểm tra nội bộ có các trách nhiệm sau:

1. Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành pháp luật, các quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định nội bộ; trực tiếp kiểm tra các hoạt động nghiệp vụ trên tất cả các lĩnh vực tại trụ sở chính, sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, công ty trực thuộc.
2. Kiểm toán hoạt động nghiệp vụ từng thời kỳ, từng lĩnh vực nhằm đánh giá chính xác kết quả hoạt động kinh doanh và thực trạng tài chính của Ngân hàng.
3. Báo cáo kịp thời với Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát kết quả kiểm tra, kiểm toán nội bộ và nêu những kiến nghị khắc phục khuyết điểm, tồn tại.
4. Các trách nhiệm khác theo quy định của Tổng Giám đốc phù hợp với quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ này.

Điều 69. Quyền hạn và nhiệm vụ của hệ thống kiểm tra nội bộ

Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Yêu cầu các bộ phận nghiệp vụ và nhân viên trực tiếp làm nghiệp vụ giải trình các công việc đã làm, đang làm, xuất trình văn bản chỉ đạo, chứng từ sổ sách ghi chép và các tài liệu có liên quan khác (khi cần thiết) trong hoạt động để phục vụ việc kiểm tra hoặc kiểm toán.
2. Đề nghị Tổng Giám đốc thành lập đoàn kiểm tra, phúc tra để thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, kiểm toán định kỳ hoặc đột xuất.
3. Trường phòng kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại trụ sở chính hoặc Tổ trưởng tổ kiểm tra nội bộ tại các sở giao dịch, chi nhánh, văn Phòng đại diện, công ty trực thuộc được tham dự các cuộc họp do Tổng Giám đốc Ngân hàng hoặc Giám đốc (sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, công ty trực thuộc) triệu tập.
4. Kiến nghị Tổng Giám đốc ngân hàng hoặc Giám đốc (sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, công ty trực thuộc) xử lý theo thẩm quyền đối với những đơn vị, cá

nhân có hành vi vi phạm pháp luật, các quy định của Ngân hàng Nhà nước và của Ngân hàng.

5. Các quyền khác được Tổng Giám đốc giao phù hợp với quy định của pháp luật của NHNN và Điều lệ này.

Điều 70. Chế độ tài chính

1. Ngân hàng chấp hành chế độ tài chính theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.
2. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý Nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính của Ngân hàng.

Điều 71. Sử dụng vốn

1. Ngân hàng được sử dụng vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo quy định của pháp luật.
2. Ngân hàng được quyền thay đổi cơ cấu vốn và tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động theo quy định của pháp luật.
3. Ngân hàng được điều động vốn và tài sản giữa các công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập.

Điều 72. Các quỹ dự trữ

Ngân hàng được trích lập các quỹ sau:

1. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.
Hàng năm, Ngân hàng Miền Tây sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ với mức 5% lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng Miền Tây. Mức tối đa của quỹ này không vượt quá vốn điều lệ của Ngân hàng Miền Tây theo quy định của pháp luật.
2. Quỹ dự phòng tài chính.
3. Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ.
4. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.
5. Quỹ khen thưởng.
6. Quỹ phúc lợi.

Điều 73. Tự chủ về tài chính của Ngân hàng

Ngân hàng tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 74. Kế toán và thuế

1. Ngân hàng thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật.

2. Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.
3. Ngân hàng sẽ lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Ngân hàng phải lập sổ kế toán theo loại hình kinh doanh. Các sổ sách đó phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch.
4. Ngân hàng thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản kế toán do NHNN quy định.

MỤC XVIII.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 75. Báo cáo tài chính

1. Ngân hàng Miền Tây lập các báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động định kỳ theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và quy định của Thống đốc NHNN cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Báo cáo tài chính hàng năm phải được kiểm toán theo quy định của Pháp luật và trong thời hạn luật định kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Ngân hàng Miền Tây phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho Ngân hàng Nhà nước, cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm một Báo cáo quyết toán lỗ lãi cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình lãi và lỗ của Ngân hàng trong năm tài chính và một bảng cân đối tài sản cho thấy một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Ngân hàng cho đến thời điểm lập Báo cáo quyết toán lỗ lãi.
3. Ngoài những báo cáo định kỳ, Ngân hàng báo cáo ngay với NHNN trong những trường hợp sau:
 - a. Diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của ngân hàng.
 - b. Thay đổi lớn về cơ cấu tổ chức của Ngân hàng.
4. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Ngân hàng nộp NHNN các báo cáo hàng năm theo quy định của pháp luật.

Điều 76. Công bố và thông báo

1. Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được gửi cho cơ quan thuế có thẩm quyền và NHNN cũng như phải được công bố trong vòng 120 ngày (một trăm hai mươi ngày) kể từ khi kết thúc năm tài chính theo quy định của pháp luật.
2. Trong vòng 120 ngày (một trăm hai mươi ngày) kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Ngân hàng phải công khai báo cáo tài chính của mình theo quy định của pháp luật.

3. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán được gửi tới tất cả các cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Ngân hàng Miền Tây được công bố trên website: www.westernbank.vn.

MỤC XIX. KIỂM TOÁN NGÂN HÀNG

Điều 77. Kiểm toán

1. Chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước khi kết thúc năm tài chính, Ngân hàng phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán không phải là kiểm toán nội bộ để kiểm toán các hoạt động của mình. Tổ chức kiểm toán đó phải được NHNN chấp thuận.
2. Ngân hàng sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
3. Tổ chức kiểm toán độc lập của Ngân hàng sẽ kiểm tra, xác thực và báo cáo trên cơ sở báo cáo kế toán hàng năm các khoản thu chi của Ngân hàng và phải chuẩn bị Báo cáo Kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng hai (2) tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.
4. Một bản sao của Báo cáo Kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Ngân hàng.
5. Kiểm toán viên của tổ chức kiểm toán độc lập sẽ được phép tham dự bất kỳ Đại hội đồng cổ đông nào và thu thập các thông báo và các thông tin khác liên quan đến bất kỳ cuộc họp nào mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề của Đại hội có liên quan đến kiểm toán viên.
6. Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Luật các tổ chức Tín dụng, pháp luật về kiểm toán độc lập và văn bản hướng dẫn của NHNN.

MỤC XX.

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 78. Báo cáo và kiểm soát đặc biệt

1. Trong trường hợp Ngân hàng có nguy cơ mất khả năng chi trả cho khách hàng của mình, Ngân hàng phải báo cáo ngay với NHNN về thực trạng tài chính, nguyên nhân và các biện pháp đã áp dụng, dự kiến áp dụng để khắc phục.
2. Ngân hàng có thể bị NHNN đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt trong những trường hợp sau:
 - a. Có nguy cơ mất khả năng chi trả.
 - b. Nợ không có khả năng thu hồi và có nguy cơ mất khả năng thanh toán.

- c. Tổng số lỗ lũy kế của ngân hàng lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng số vốn điều lệ thực có và các quỹ dự trữ.
3. Trường hợp cấp bách, để đảm bảo khả năng chi trả tiền gửi hoặc tiền lãi của khách hàng, Ngân hàng có thể được các tổ chức tín dụng khác hoặc NHNN cho vay đặc biệt. Khoản vay đặc biệt này sẽ được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ khác của Ngân hàng.

Điều 79. Phá sản Ngân hàng

Việc phá sản Ngân hàng thực hiện theo quy định tại Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng và pháp luật về phá sản.

Điều 80. Giải thể Ngân hàng

Ngân hàng bị giải thể trong các trường hợp sau:

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định giải thể và chấm dứt hoạt động Ngân hàng theo quy định của pháp luật và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;
2. Khi hết hạn hoạt động Ngân hàng không xin gia hạn giấy phép hoạt động hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;
3. Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng.
4. Các quyết định giải thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Điều 81. Thanh lý Ngân hàng.

1. Trường hợp Ngân hàng bị tuyên bố phá sản, việc thanh lý Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Luật phá sản.
2. Khi giải thể theo Điều 80 của Điều lệ này, Ngân hàng tiến hành thanh lý ngay dưới sự giám sát của NHNN.
3. Mọi chi phí liên quan đến việc thanh lý do Ngân hàng bị thanh lý chịu.

MỤC XXI. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 82. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Bất cứ khi nào một sự tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Ngân hàng hay tới quyền của các cổ đông nảy sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thực hiện hiện hành và bất kỳ luật hoặc các quy định hành chính nào khác quy định, giữa:
 - a. Một cổ đông hay các cổ đông và Ngân hàng;
 - b. Bất kỳ cổ đông hay các cổ đông và Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng [hai mươi một] ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào đều có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

2. Nếu không có quyết định nào đạt được hoà giải trong vòng 04 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của hoà giải viên không được các bên chấp nhận, bất kỳ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Toà án.
3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

MỤC XXII. THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

Điều 83. Thông tin định kỳ

1. Ngân hàng thông tin định kỳ cho chủ tài khoản về những giao dịch và số dư trên tài khoản của họ tại Ngân hàng.
2. Ngân hàng được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động ngân hàng và về khách hàng.
3. Ngân hàng có trách nhiệm báo cáo, cung cấp các thông tin cho NHNN về tình hình hoạt động kinh doanh, nhân sự theo yêu cầu của NHNN và được NHNN cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động ngân hàng của những khách hàng có quan hệ với ngân hàng.

Điều 84. Nghĩa vụ bảo mật

1. Nhân viên của Ngân hàng và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật quốc gia và bí mật kinh doanh của Ngân hàng mà mình biết.
2. Ngân hàng được quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân về cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi, tài sản của khách hàng và hoạt động của Ngân hàng, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

MỤC XXIII.
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 85. Bổ sung, sửa đổi Điều lệ và ngày hiệu lực

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Ngân hàng chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ngân hàng Miền Tây.
3. Nội dung Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Ngân hàng Miền Tây.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Ngân hàng phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị mới có giá trị./.

TP. Cần Thơ, ngày 21 tháng 01 năm 2010

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TRẦN QUANG SƠN



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TP CẦN THƠ
Phòng Đăng Ký Kinh Doanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

5703000086

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ ĐĂNG KÝ THUẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN
Số: 1800172881

Đăng ký lần đầu, ngày 28 tháng 7 năm 1992
Đăng ký thay đổi lần 20 và cấp lại lần 14 ngày 16 tháng 4 năm 2009

(Đổi tên từ Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Nông thôn Miền Tây)

1. Tên công ty: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN MIỀN TÂY**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Western Commercial Joint Stock Bank.
Tên công ty viết tắt bằng tiếng Anh: Western Bank.

Tên công ty viết tắt bằng tiếng Việt: Ngân hàng Miền Tây

2. Địa chỉ: **127 Lý Tự Trọng, P. An Phú, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.**

Điện thoại: 0710.3732424 Fax: 0710.3731768 Email: welcome@westernbank.vn

3. Ngành, nghề kinh doanh: **Kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế. Thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ của ngân hàng thương mại.**

4. Vốn điều lệ: **1.000.000.000.000** đồng # **100.000.000** cổ phần

Mệnh giá một cổ phần: 10.000 đồng

5. Danh sách cổ đông sáng lập:

Số TT	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số cổ phần
1	Lại Hiến Trí	Thới Hòa A, TT Cờ Đỏ, huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ	30.200
2	Các cổ đông khác		99.969.800

6. Người đại diện theo pháp luật của công ty:

Chức danh: **Chủ tịch HĐQT**

Họ và tên: **Trần Quang Sơn** (Nam)

Sinh năm: **1961**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam.**

CMND số: **020774676**

Ngày cấp: **24/9/1999**

Nơi cấp: **CA TP HCM**

Hộ khẩu thường trú: **151/6 Lê Thiệt, P. Phú Thọ Hòa, Q. Tân Phú, TP Hồ Chí Minh.**

Chỗ ở hiện tại: **151/6 Lê Thiệt, P. Phú Thọ Hòa, Q. Tân Phú, TP Hồ Chí Minh.**

Chữ ký:

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

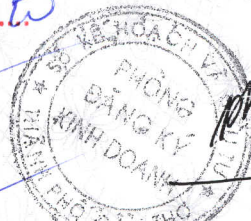
Số quyền số UBND/ SCT

Tân An, ngày 29 tháng 3 năm 20..

TM.UBND PHƯƠNG

CHỦ TỊCH

Trưởng Phòng



Số: 2.0310/2009/NQ-ĐHĐCĐ

Thành phố Cần Thơ, ngày 13 tháng 10 năm 2009

NGHỊ QUYẾT**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP MIỀN TÂY**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2006;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Miền Tây;

Căn cứ vào Tờ trình xin ý kiến cổ đông bằng văn bản của HĐQT về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu ý kiến của cổ đông số 1.0110/2009/BB-ĐHĐCĐ ngày 10/10/2009 của Ngân hàng TMCP Miền Tây.

QUYẾT NGHỊ**Điều 1.**

Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng lên 2.000 tỷ đồng, với tỷ lệ biểu quyết 93,86%, phương án cụ thể như sau:

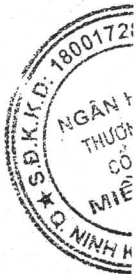
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành : 100.000.000 cổ phiếu
- Giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành : 1.000.000.000.000 đồng
- Đối tượng phát hành:

1. Phát hành cho cổ đông hiện hữu

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành cho cổ đông hiện hữu: 99.272.835 cp.
- Tỷ lệ phân bổ quyền cho cổ đông hiện hữu: 1:1 (nghĩa là cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách sẽ được mua thêm 1 cổ phiếu mới phát hành).
- Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.
- Thời gian dự kiến thực hiện: Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2009 đến tháng 02/2010, ngay sau khi có Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
- Xử lý cổ phiếu chào bán của cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua: HĐQT sẽ chào bán cho các đối tượng khác đảm bảo nguyên tắc không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Tiêu chuẩn lựa chọn các đối tượng khác do HĐQT quyết định.

2. Phát hành cho các cán bộ chủ chốt của Ngân hàng TMCP Miền Tây

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 727.165 cổ phiếu.



- HĐQT sẽ quyết định tiêu chí lựa chọn và số lượng cổ phiếu chào bán các cán bộ chủ chốt của ngân hàng.
- Giá chào bán bằng giá chào bán cho các cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/ cổ phiếu.
- Các cổ đông trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm. Cổ phiếu phát hành thêm sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho các cổ đông hiện hữu được quyền chuyển nhượng.

Điều 2:

Thông qua Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành thêm này, với tỷ lệ biểu quyết 93,86%, như sau:

Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành là: 1.000 tỷ đồng. Kế hoạch sử dụng tiền:

- Đầu tư Công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng: 353 tỷ đồng
- Phần tiền còn lại bổ sung nguồn vốn lưu động để mở rộng hoạt động tín dụng và đầu tư trái phiếu: 647 tỷ đồng.

Điều 3:

Thông qua việc niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm này lên sàn giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ngay sau khi hoàn tất việc phát hành thêm cổ phiếu này, với tỷ lệ 93,86%.

Điều 4:

Giao cho Hội đồng quản trị Ngân hàng tổ chức thực hiện các vấn đề nêu tại điều 1, điều 2 và điều 3 theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 5:

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký, tất cả các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, toàn thể Cán bộ nhân viên của Ngân hàng TMCP Miền Tây chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

09/3/2010
SAO Y BẢN CHÍNH

Nơi nhận:

- Các cổ đông
- Lưu Vp, HĐQT



Nguyễn Hùng Liệt

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH



Trần Quang Sơn



Số: 2.5105/2009/QĐ-ĐHĐCĐ

TP Cần Thơ, ngày 09 tháng 05 năm 2009

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN MIỀN TÂY**

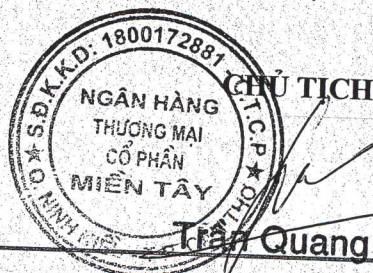
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Miền Tây;
- Căn cứ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Ngân hàng Miền Tây ngày 09-05-2009.

SAO Y BẢN CHÍNH**QUYẾT ĐỊNH**

1. Chấp thuận thông qua báo cáo tài chính năm 2008
2. Chấp thuận thông qua báo cáo phân phối lợi nhuận năm 2008 theo đề nghị của HĐQT
3. Chấp thuận thông qua báo cáo phương hướng hoạt động kinh doanh năm 2009
4. Chấp thuận và ủy quyền cho HĐQT được quyết định chọn đối tác mua sắm trang thiết bị, hạ tầng, công nghệ (phần cứng, phần mềm) với mức tối đa theo luật định
5. Chấp thuận và ủy quyền cho HĐQT quyết định việc chọn và định giá, tỉ lệ đầu tư, góp vốn, (tối đa theo luật định) vào các công ty hoặc tổ chức tín dụng tại Việt Nam
6. Chấp thuận và ủy quyền cho HĐQT quyết định việc chọn cổ đông chiến lược cá nhân và/hoặc tổ chức trong và ngoài nước, chọn giá và tỉ lệ tham gia góp vốn (dưới hình thức cổ phiếu phổ thông và trái phiếu chuyển đổi) trình NHNN quyết định
7. Chấp thuận tăng vốn điều lệ thêm 1000 tỷ trong năm 2009, và ủy quyền cho HĐQT lập phương án tăng vốn; quyết định giá bán (không thấp hơn mệnh giá), đối tượng bán (kể cả đối tượng là nhân viên Ngân hàng Miền Tây), tỷ lệ bán, thời điểm bán.
8. Chấp thuận và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định số lượng phát hành, thời điểm phát hành, tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc môi giới dịch vụ phát hành, thời điểm phát hành, đối tượng bán, giá bán, tỉ lệ bán trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông trong năm 2009.
9. Chấp thuận niêm yết thị trường chứng khoán TP. HCM trong năm 2009, ủy quyền cho HĐQT thực hiện thủ tục theo quy định của pháp luật hiện hành.
10. Chấp thuận và ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh điều lệ Ngân hàng phù hợp với quy mô và tình hình kinh doanh trình NHNN chuẩn y.
11. Chấp thuận thù lao cho HĐQT, BKS kể từ tháng khi được chuẩn y cụ thể mỗi tháng như sau : Chủ tịch HĐQT 10 triệu đồng; Thường trực HĐQT 8 triệu đồng; thành viên HĐQT 6 triệu đồng; Trưởng Ban kiểm soát 9 triệu đồng, thành viên BKS chuyên trách 7 triệu đồng, thành viên BKS không chuyên trách 5 triệu đồng.
12. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định số lượng, địa điểm và trị giá mua hoặc thuê để phát triển mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch trên cả nước.

*Nguyễn Hùng Việt***Nơi nhận:**

- Các cổ đông NH;
- HĐQT; BKS; Lưu VP.

**Trần Quang Sơn**